Cánh đồng bờ biển

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ

A ĐỒNG

NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ

CÁNH ĐỒNG BỜ BIỂN

Bìa và minh họa của DUY VŨ

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ-CHÍ-MINH
KHO TÀNG

Linh Chi

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG HÀ NỘI 1981

Biên tập : TRẦN THỊ NHÂM
Trình bày : THY NGỌC
Sửa bản in: NGỌC LOAN

In 40.200 bản tại Nhà máy in Tiến Bộ, Hà Nội. Khổ 13 × 19. Số XB 14/ KĐA. Số in 325. In xong ngày 30 tháng 9 năm 1981. Gửi lưu chiểu tháng 9 năm 1981.

I

Tôi không còn nhớ rõ tôi đã nghĩ gì khi biết được về quê nghỉ hè, chỉ nhớ rằng tôi đã nhảy cẫng lên và reo hò ầm ĩ. Thấy vậy, bố tôi nghiêm nét mặt bảo:

— Không phải đi xem xiếc đâu mà reo, phải chuẩn bị tinh thần đấy.

— Chuẩn bị tinh thần để làm gì cơ ạ? — tôi tròn mắt nhìn bố. Thấy bố không trả lời, tôi từ từ đi đến gần, ngồi xuống bên cạnh, chờ đợi.

— Bố mẹ có công tác đột xuất lên phục vụ biên giới nên con sẽ về quê một mình trong dịp hè này. Bố đã viết thư để con đem về đưa hai bác và các chị — bố tôi nói, giọng thấp xuống, nét mặt thoáng vẻ lo âu.

Đi một mình về quê thì có gì mà bố tôi phải lo lắng nhỉ? Ngược lại, tôi cố nén để bố tôi đừng biết tôi đang vui thích. Không biết các bạn ở vào tuổi mười ba thì sao chứ riêng tôi, đi đâu tôi không thích đi cùng với bố mẹ. Đi cùng người lớn, tôi luôn luôn bị chỉ bảo, la mắng như là một đứa bé con, mà tôi thì đâu còn bé bỏng nữa. Cũng phải nói thêm về tôi một chút để các bạn hiểu tôi là người như thế nào chứ! Tôi mười ba tuổi nhưng ai mới gặp cũng đoán tôi mười bốn, mười lăm. Người tôi nở nang, cao lớn, quần áo của bố chỉ cần lên gấu và khâu hẹp lại đi một tí là tôi mặc vừa ngay. Chẳng biết từ đâu ai đặt thêm chữ đệm vào tên

tôi, và bọn bạn nhiều khi chỉ gọi tôi bằng chữ đệm ấy: « Tồ » ơi! Chúng nó đứa nào cũng tỏ ra vui mừng khi biết tôi sắp được đi nghỉ hè ở quê một mình.

— Nhất mày rồi đấy, Tuấn tồ ạ!

— Tha hồ mà tập bơi nhé!

— Ăn cá biển bằng thích!

Chúng dặn dò tôi đủ điều và không quên nhắc tôi phải nhớ mang quà biển về. Có đứa còn đùa, dặn tôi mang về cho nó vài cân muối. Chả là quê tôi, cái làng tôi sẽ đến là một làng muối.

Như mẹ tôi nói thì Hà Nội chỉ là nơi tôi sinh ra và lớn lên. Quê tôi là vùng biển, và cũng đúng bằng tuổi tôi bây giờ, bố tôi đã phải bỏ làng đi phiêu bạt quê người kiếm sống. Thỉnh thoảng trong những lúc vui, bố tôi thường kể lại chuyến đi ấy. Đối với tôi, nó vừa gần gũi vừa xa vời, giống như một chuyện cổ tích hư hư thực thực. Còn bây giờ, đầu óc tôi chỉ nghĩ đến chuyến đi sắp tới — đi một mình, đó là một sự kiện lớn lao đối với tôi. Mẹ tôi đang sắp xếp quần áo và những thứ cần dùng cho chuyến đi của tôi, còn tôi, tôi chỉ phải lo có một thứ: những chiếc lưỡi câu và một cái lưới.

— Này, sách vở đâu, con định không học hành gì hay sao? — bố tôi chằm chằm nhìn tôi.

Nghe bố nhắc, tôi vội vàng chạy lại ngăn bàn. Bạn có hiểu tôi cảm động như thế nào không khi thấy trong cái cặp to của tôi những sách vở cần thiết cho việc học tập trong dịp hè đã được mẹ tôi sắp xếp đầy đủ, kể cả mấy quyển truyện khoa học, cuốn sách dạy gấp hình thú vật bằng giấy mà tôi rất thích nữa.

Bố tôi đèo tôi ra ga, vài đứa bạn đưa tiễn, đứng với tôi cho đến lúc tàu chạy. Và chuyến tàu tốc hành chạy suốt buổi sáng đưa tôi đến một thị xã nhỏ, rồi một chiếc ô tô hàng đầy ắp người và hàng hóa đã đưa tôi

đến gần với biển. Việc tìm nhà bác tôi không khó khăn lắm: tôi nhận ra ngay con đường đất cát pha, hai bên xanh ngắt phi lao, dẫn từ bến ô tô vào xóm, đúng như bố tôi đã chỉ dẫn ở nhà.

Lát sau, tôi đã ở trong nhà hai bác. Bác trai đeo cái kính lão lên mắt, đọc thư của bố tôi. Bác gái lúi húi, tất bật nấu nướng làm cơm mời đứa cháu mới ở Hà Nội về. Còn hai chị tôi: chị Hà thì lục cặp của tôi lấy sách ra xem, chị Hải chống nạnh, đứng nhìn tôi trân trân. Một lúc, bỗng chị cười to, đập tay lên vai tôi:

— Chóng lớn thật! Khá thật! Về ở đây làm muối với chị!

Tiếng chị cười vang giòn làm tôi cũng cười theo.

***

Tôi có cảm giác như ai đang gọi tôi ở phía xa, nghe không rõ. Rồi lại có tiếng chân đi vào trong nhà, nhẹ nhàng đến gần tôi.

Hai mi mắt tôi cứng đơ, phải chớp mấy lần mới mở ra được. Tôi ngồi dậy nhìn quanh. Nhà vắng ngắt. Ngoài sân, nắng đã lên cao. Con mèo mướp đang ngồi thu lu trên hè, nghe tiếng động quay lại nhìn, kêu « meo » một tiếng.

— Ai vào nhà thế, Mướp? — tôi hỏi và xách tai nó lên.

— Meo! — nó kêu và vùng chạy ra sân. Tôi đi theo nó, tay vung vẩy vài động tác thể dục.

Nắng đã lên cao, cả nhà đi làm từ bao giờ. Và cái tiếng ì ì, ào ào mà lúc còn đang ngủ tôi tưởng người nào gọi nghe rất gần, lúc này lại xa bẵng hẳn đi, rào rào ở tận đâu đâu.

Bác Tư đang phơi lưới ở hàng rào quay lại bảo tôi:

— Tiếng biển kêu đấy, cháu ạ!

— Biển ở tận đâu, hả bác?

— Ở cuối xóm, sau con đê kia kìa! Nếu không có mấy cái nhà và vườn cây phía trước thì ngồi đây cháu cũng nhìn thấy biển.

— Không nhìn thấy biển đâu, chỉ nhìn thấy đê biển thôi, bố ạ! — tiếng chị Hải vang lên ngoài ngõ. Bộ quần áo đen đã ngả màu muối, cái nón dày chằm nặng, chị mang hơi nắng vào nhà.

— Bây giờ mới dậy, hả Tồ? — chị hỏi và đứng trước mặt tôi. Miệng chị nở nụ cười trắng xóa.

Tiếng sóng biển ì ầm như một cơn dông lớn, có lúc nghe giống tiếng cơn mưa nặng hạt. Nhưng trời không mưa mà nắng. Nắng gắt. Mảnh sân trước nhà, rau mới trồng lên lâm tâm, những chiếc lá nho nhỏ, xanh xanh, cắn cỗi. Rau không ưa đất mặn, lên chậm chạp. Mỗi nhà một mảnh vườn nhỏ. Vườn nối vào nhà. Xóm biển nhỏ, nhà thưa. Mái nhà thấp lợp dày nổi lên những cái u trông giống lưng con lạc đà đứng dưới nắng.

Tôi đi quanh sân. Nắng tháng sáu gay gắt nhưng mặt đất lại ẩm. Nền đất nâu thẫm, loáng thoáng vệt trắng, trông xa giống như đất bị mốc.

— Sao trời nắng mà đất lại ẩm, hả chị?

— Tại đất có hơi muối — chị Hải đáp.

— Ai đánh đổ muối ra đất?

— Biển ở dưới sâu thấm mặn lên đấy, em ạ!

Tiếng chị Hải nói lẫn trong tiếng sóng dội ào ào ở phía trước, khuất sau con đê. Tôi bỗng thấy biển gần gũi như ở bên cạnh nhà, như ở dưới chân tôi đứng chứ chẳng xa xôi gì.

— Chị Hải ơi! Em muốn ra biển! — tôi nói khẽ.

— Ra biển à?

Chị Hải dẫn tôi theo một lối tắt, qua xóm nhỏ và những con đường phi lao. Thoáng cái, tôi đã thấy mình đứng trên con đê dài.

— Biển đấy! — chị Hải chỉ tay ra phía trước.

Mắt tôi bỗng lóa đi trước một vùng nước mênh mông, vô tận. Những con sóng lớn quật quã, gào thét ầm ầm, xô vào bờ. Những con sóng to và dài, đầu bạc trắng chạy từ phía chân trời xanh thẳm tới, dồn dập vỡ tan ra trên cát. Vài con thuyền ở ngoài khơi xa nhỏ bé lung linh như những cánh diều.

— Bờ biển quê mình rộng và đẹp, có bãi cát lớn, đánh được cá, làm được muối — chị Hải nói, mặt hồng lên trong nắng.

Tôi vùng chạy trên cát. Gió cuốn vạt áo tôi bay tung. Tôi nhặt đầy hai tay, nhét đầy hai túi quần những vỏ sò, vỏ hến.

Tôi lao xuống nước. Nước mát lạnh và cát mềm mại dưới chân tôi. Tôi đuổi theo sóng khi nó rút ra xa rồi lại vội vã chạy về khi nó trở lại bờ. Có những con cá nhỏ bơi theo sóng, lao vào chân tôi, tôi cảm thấy như thế và cúi xuống, nhưng chỉ bắt được bọt nước và những hạt cát hồng hồng.

Tiếng chị Hải cười giòn tan. Gió cuốn nón chị rơi xuống bãi và chạy lăn trên cát. Chị vừa đuổi theo nón vừa cười. Có một vũng nước ở giữa bãi. Chị dừng lại, cúi xuống. Trong bóng mây xanh ngắt, gương mặt chị lồng lộng, mái tóc chị bay tung. Tiếng chị cười làm mặt nước xao động.

— Thôi về, em!

— Ở đây thêm lúc nữa, chị ạ — tôi nài nỉ.

— Không được đâu, chị phải về đồ nước chạt phơi nắng. Còn em thì phải về học bài!

— Phải học bài? — tôi muốn cãi lại chị nhưng chị đã chạy nhanh trên cát. Tôi rảo bước chạy theo chị.

*
* *

Bố mẹ kính yêu,

Con đã về quê và đang ở nhà hai bác. Con vẫn nhớ lời bố mẹ dặn là đến nơi thì viết thư về ngay, nhưng vì nhiều công việc mới mẻ cuốn hút, hấp dẫn con nên bây giờ con mới viết thư cho bố mẹ được...

Lúc ấy, ở đằng sau bỗng có ai đó giơ hai tay lên bịt mắt tôi.

— Ai đấy? Bỏ ra!

— Đoán được ai mới bỏ! — một tiếng nói trẻ con.

Tôi về đây mới gặp loáng thoáng một vài gương mặt, làm sao mà chỉ nghe có giọng nói đã biết được là ai! Tôi ngồi im.

— Chịu chưa?

— Đủ phải không? — tôi đoán bừa.

Mắt tôi hoa lên khi bàn tay bịt mắt tôi bỏ ra. Tôi giụi mắt nhìn. Tất cả có năm đứa — ba trai, hai gái — đang đứng quây quần quanh tôi. Tôi gấp vội lá thư, bỏ ngăn kéo. Đứa đứng bên cạnh tôi, có lẽ đứa bịt mắt tôi, có màu da bồ hóng. Nó cười, lộ hàm răng trắng tinh.

— Cậu viết thư về nhà đấy à? Cứ viết đi! — nó nói, tiếng to và hơi nặng, giọng vùng biển.

«Chúng mày đến quấy thế này thì tao còn viết thế nào được!» — tôi định nói thế nhưng lại thôi.

Trong mấy đứa, tôi chỉ biết có Đủ, nó theo chị gái đến nhà tôi ngay từ hôm tôi mới về. Chị nó thân với chị Hải. Còn những đứa kia bây giờ tôi mới trông thấy lần đầu. Đủ bảo tôi :

— Đây là Trung, Chính, Hồng...

Đứa con gái có tên là Chính gầy như một cây phi lao, tóc hoe hoe, da sạm, khuôn mặt dài dài. Còn Hồng thì tròn xoe như hạt mít, nước da hồng hào, hay cười, mỗi khi cười lại giơ tay bịt miệng. À, suýt nữa tôi quên mất, còn một đứa ngồi ở cạnh bàn, người bé loắt choắt có cái cằm nhọn, vừa đến đã sà vào bàn đọc báo, tên là Vinh.

— Chúng mình đến để nói cho cậu biết là mùa hè này, chi đội thiếu niên chúng mình đã nhận với chi đoàn thanh niên thành lập hai tổ muối. Chúng mình muốn cậu tham gia vào tổ hai. Nếu cậu bằng lòng thì ngoài việc học tập và giúp đỡ gia đình làm muối, chúng ta còn nghiên cứu xem phải làm thế nào để được nhiều muối làm quà gửi lên biên giới...

— Gửi muối lên biên giới? — tôi hỏi.

— Chứ sao! Trên đó rất cần muối, cô giáo bảo thế. Bây giờ đang vụ muối chính... — Trung nói.

Tôi thấy mặt nóng bừng. Việc các tổ muối của chi đội thiếu niên thành lập, chị Hải đã nói cho tôi biết. Tối qua, các tổ họp, chị Hải bảo tôi dự, nhưng tôi cáo ốm không đến. Bây giờ chúng nó đã đến đây thì chối sao được? May sao Đủ lại hỏi;

— Cậu đã hết mệt chưa?

— Vẫn còn mệt lắm! — tôi đáp rồi cất tiếng ho.

— Cậu bị ho à? Có khi bị cảm đấy. Đã uống thuốc gì chưa? — Trung nhanh nhảu nói.

— Người cứ mệt mệt, chả biết uống thuốc gì — tôi nói theo đà. Quả thật tôi cũng thấy người hơi mệt.

— Kiếm một nắm lá, đun nước xông là khỏi ngay! Mỗi lần tớ ốm, mẹ tớ lại đun nước lá cho tớ xông! — Hồng bảo.

— Thôi, bạn ấy đang mệt, chúng ta về để bạn ấy nghỉ!

Trung nói rồi đứng lên. Vinh ngoẹo đầu một cái — kiểu chào riêng của nó. Hồng và Chính thì nói gì líu ríu như chim, tôi nghe không rõ.

Tôi tiễn tất cả ra cổng, đóng chặt cửa lại rồi quay vào. « Đến bố mẹ, hai bác tớ còn chưa bắt tớ làm nữa là các cậu, nắng thế này! Đợi đấy! » — tôi nghĩ rồi mở ngăn kéo lấy thư ra viết tiếp.

Viết xong, tôi dán thư lại rồi đi ra ngõ.

Bưu điện ở thôn bên, muốn đến phải qua một đồng muối. Giờ này trên đồng, người đã đông đặc.

Lúc đầu, tôi cắm cúi đi cho nhanh, nhưng tiếng cười nói, tiếng cát rơi, tiếng nước chảy làm tôi phải quay nhìn. Tôi thấy ở trên các ruộng có nhiều đứa trạc tuổi tôi, có đứa còn bé hơn cả tôi, chúng đẩy xe, văng cát rất nhanh, người xoay tròn như con cù trên sân, cát tóe ra trên những lưỡi xẻng.

Tôi quay đi, bước vội qua kho muối đến một con đường trồng toàn thông. Mắt đang lóa vì các ô nề sáng chói, bước vào dưới những bóng thông mát rượi, tôi thấy dễ chịu quá. Tôi ngồi xuống rồi nằm xoài ra cỏ, đưa mắt nhìn lên những ngọn thông. Tiếng gió rung trong lá như chuyện trò với sóng biển rì rầm muốn ru tôi ngủ, nhưng mắt tôi sau một đêm dài ngủ kỹ vẫn cứ mở nhìn những cụm mây trắng nõn mắc vào giữa các ngọn thông. Gió lay đám lá thông trông như cái chổi nhúng vào vũng vôi rồi quét tung ra.

Từ ngày về làng, tôi mới được nhìn thấy bầu trời rộng đến thế: đó là bầu trời kề trên mặt biển, bầu trời trên đồng muối, và bây giờ là bầu trời xao động trên những ngọn thông, sâu xa và vô tận...

Trong im lặng, tôi bỗng nghe một tiếng chim hót đâu đây, giọng tròn và trong như dỗ mật. Tôi vội nhìn về phía có tiếng chim: chỗ đó cây thưa hơn và trên một mô đất cao, dưới gốc thông có một ngôi mộ xây. Trước mộ có tấm bia đá. Hoa cúc áo, hoa hồng gai bò quanh chân mộ. Tôi đi đến gần. Trên bia đá khắc một dòng chữ: «*Tưởng nhớ các đồng chí... đã hy sinh tại rừng thông này trong vụ Xuân Hà — Tang Điền 1947*».

Tôi đứng im, hai tay khoanh lại, tần ngần nhìn những chân hương, những khóm hoa, bãi cỏ non phủ quanh chân mộ và những đám rêu mờ mờ trên bia đá, cố nhớ lại những chuyện được nghe bố tôi kể từ lâu.

— Thằng bé này đến đây làm gì, hở? — bỗng có tiếng hỏi, giọng hơi khàn ở phía sau lưng.

Tôi giật mình quay lại. Một ông cụ người cao lớn, da nâu sẫm, mặc quần áo đen, tay áo xắn cao để lộ bắp tay rắn chắc. Ông đi dất, chân ướt nhuốt bùn nước, một chân hơi khập khiễng. Ông cụ có hàng râu đen, đôi mắt cũng đen, mở to nhìn tôi:

— Cháu là con nhà ai mà ông chưa gặp bao giờ? Hay cháu ở đâu mới đến?

— Cháu ở nhà ông Tự, cháu mới ở Hà Nội về, ông ạ! — tôi tự giới thiệu rồi nhìn xuống đôi chân ướt dầm bùn nước của ông cụ. «Đường đi giữa các ruộng muối rất khô ráo, nhiều người đi giày dép và xe đạp, sao chân ông cụ lại ướt và bẩn như thế?» — tôi thầm nghĩ như vậy nhưng lại hỏi:

— Nhà ông ở đâu ạ?

— Ở đằng kia, xóm Bể.

— Thế sao ông lại đi về đằng này?

— Ông đi đường này để lội qua mấy con mương — ông cụ nói rồi giơ tay chỉ con mương phía sau lưng mà ông vừa lội qua. Con mương sâu, nước cạn, mùi bùn bốc lên trong nắng trưa.

Trên đồng, người đi làm muối đã về lác đác. Cánh đồng mênh mông đầy gió, đầy nắng. Nước trong các ô nề đã bắt đầu đóng váng. Ở các mép ô, những hạt muối đã kết tinh nằm sát nhau, xếp từng chùm hạt nhỏ li ti trắng muốt trông như đường ren thêu quanh.

Tôi tò mò nhìn ông cụ, muốn hỏi rất nhiều nhưng chẳng dám hỏi. Ông cụ hình như không để ý đến tôi, bước đi vùn vụt. Tôi đang ngơ ngác thì nghe tiếng gọi:

— Này, bạn ấy ơi!

Tôi quay lại, nhận ra Chính và Hồng, mỗi đứa tay cầm một nắm lá: lá tre, lá bưởi, cúc tần, hương nhu, và cả một củ sả tươi.

Tôi đưa mắt nhìn quanh: ông cụ mặc quần áo đen đã biến mất giữa những cây thông cao và bầu trời đầy mây lạ. Tôi định hỏi Chính và Hồng xem ông cụ ấy là ai nhưng lại thôi.

— Bạn đã khỏi ốm chưa? — Chính hỏi rồi nhìn cái phong bì tôi đang cầm ở tay. — Đi gửi thư à? Đã biết bưu điện ở đâu chưa?

— Thôi, tớ chưa gửi vội, về thôi! — bỗng dưng tôi thấy cần viết thêm vào lá thư gửi về nhà.

Tôi đi cùng hai bạn về làng. Đến ngõ nhà tôi, hai đứa dừng lại, chụm hai nắm lá làm một, đưa cho tôi.

— Bạn cầm lấy đem về đun nước xông cho khỏi ốm.

Tôi nhận nắm lá, nói vài câu cám ơn rồi đi về nhà.

2

Đám mây đen to và nặng bay ngang qua bầu trời. Nó dừng lại ngay trên đầu làng. Mặt trời bỗng dưng biến mất và nắng như tấm màn mỏng nhà ai đang căng phơi bị cuốn ngay lại. Trời âm u.

Tiếng kẻng bỗng nổi lên dồn dập.

— Cứu muối, bà con ơi! — có tiếng kêu.

— Cứu muối! — nhiều tiếng kêu theo vang trên các khoảnh đồng.

— Mưa! Sắp mưa rồi, bà con ơi!

Tiếng chân người chạy thình thịch, dồn dập trên đường làng. Người vác trang, bồ cào, người phên liếp, thúng mủng vội vã chạy ra đồng. Tôi đang đứng ở ngoài ngõ ngơ ngác không biết nên làm gì thì một bàn tay đặt lên vai tôi, đẩy đi. Bàn tay to, chắc nịch. Tôi quay lại. Một thanh niên cao lớn, khỏe mạnh, mặc quần áo bộ đội cũ bạc, nước da màu đồng đen, một ống tay áo bay phơ phất đang đứng trước mặt tôi.

— Chủ nhiệm Bình! Anh Bình! — tôi gọi nhỏ trong miệng, không nghe thành tiếng. Tôi muốn thoát khỏi tay anh nhưng không được. Bàn tay anh chỉ đặt hờ trên vai tôi nhẹ nhàng như để dẫn đi chơi nhưng lại như có một sức mạnh vô hình không thể cưỡng nổi. Thế là tôi đi theo anh, đi rất nhanh.

Đồng muối lúc này nom thật lạ mắt, cứ loang loáng như gương. Trên những ô nề[1], muối đã bắt đầu kết tinh; đã nhìn thấy những hạt muối tươi lấm tấm nổi lên giữa những vũng nước mặn đang bắt đầu đóng váng. Mọi người hối hả lấy trang cào muối vun lại

(1) Ô nề: ô ruộng nhỏ tráng xi măng để phơi nước biển làm muối.

thành dông ở mỗi góc ruộng rồi lấy phên liếp che lên trên. Tiếng trang sắt miết lên mặt ô nề nghe bỏng rát.

Tôi cũng nhặt lấy một cái trang và bắt đầu cào muối. Mùi nắng nồng gặp mưa bốc lên mặn chát. Tôi thấy người nóng rực, mồ hôi toát ra. Tôi hắt hơi, xì mũi rồi cố sức đẩy cái trang chạy như trôi trong ô nước mặn, vun những viên muối đã thành hạt lại một góc.

Những hạt mưa to và nặng bắt đầu rơi xuống như ai ném đá, nghe rào rào. Mặt đất bốc hơi ngùn ngụt. Nhưng chỉ một lúc sau, mưa tạnh ngay. Trên trời, những đám mây đen bay tản mát, chạy giạt về phía biển. Nắng bừng lên, chói chang, vàng rực.

Mọi người lại vội vã bỏ phên liếp che đậy trên các ruộng ra để lấy nắng. Tiếng cười nói vang vang.

Tôi ngừng tay, ngẩng lên nhìn. Một bà cụ già, mặt đầy những vết chân chim, đầu cạo trọc, quấn một vuông khăn đen đã bạc, và một chị trạc ngoài ba mươi tuổi, vẻ đang nuôi con mọn, một vệt sữa nhòe nơi ngực áo, cả hai đang nhìn tôi cười. Chị phụ nữ hỏi:

— Em là con nhà ai mà đến giúp chị chạy muối thế này?

— Em là cháu bác Tự. Em về làng nghỉ hè.

— Cháu ngoan quá, cảm ơn cháu nhé! — bà cụ bảo tôi rồi cầm lấy cái trang ở trong tay tôi.

Tôi hơi ngượng vì thấy việc làm vô tình của mình lại hóa thành ý nghĩa. Đưa mắt nhìn quanh, tôi thấy trên các ruộng muối đều có trẻ con: đứa cào muối, đứa gỡ phên, đứa xẻ rãnh tháo nước. Đủ đang ở ruộng bên cạnh, tay cầm trang, đầu quấn khăn mặt bông, tay áo, ống quần xắn cao. Đủ chạy từ ruộng nhà nọ sang ruộng nhà kia, lúc làm việc này, lúc làm việc khác, thoăn thoắt.

Tôi nghe tiếng ai nói:

— Thằng Đủ chịu khó thật! Con giai ông Định ngoan quá!

Đủ chạy lại phía tôi. Nó reo lên:

— Cậu ra làm rồi đấy à? Hay quá, hay quá!

— Tớ đã biết làm gì đâu! — tôi đẩy Đủ ra, chạy đi làm thêm những việc khác.

Tối, đội thiếu niên họp, tôi đến, đã thấy Đủ mải miết lau bàn. Lau bàn xong, nó tháo cái bóng đèn ra, lau bóng rồi lại khêu bấc. Vừa làm nó vừa huýt sáo.

— Báo cáo, tổ hai hôm nay tham gia cứu muối một trăm phần trăm. Bạn Tuấn ở Hà Nội mới về nghỉ hè cũng ra làm và làm rất tốt! Đề nghị các bạn hoan hô? — tiếng Đủ vang lên ngay sau khi chi đội trưởng Trung nói về việc sản xuất muối trong mấy ngày vừa qua.

Tiếng vỗ tay nổi lên và cả tiếng nói nhao nhao:

— Bạn Tuấn đâu, đứng lên cho anh em xem mặt với nào!

Đời nào tôi lại chịu đứng lên! Tôi vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, thò tay cấu vào mạng sườn Đủ. Đủ ho khúng khắng, chỉ vào tôi rồi nói:

— Bạn Tuấn đây ạ!

«Nó muốn chế giễu mình hay sao thế?» — tôi bực tức nghĩ. May sao, Trung đã chuyển sang bàn về việc ôn tập hè.

Cuối buổi họp là bầu đội viên xuất sắc. «Thế nào nó cũng bầu thằng Đủ. Mình sẽ không bầu nó» — tôi nghĩ và không giơ tay, nhưng Đủ vẫn trúng và tiếng hoan hô lại nổi lên.

— Cậu giận tớ đấy hả, Tuấn? — họp tan, Đủ đi với tôi về nhà, vừa đi vừa hỏi. Tay Đủ nắm chặt tay tôi.— Tớ có khuyết điểm gì, cậu cứ nói. Tớ rất buồn khi có người giận tớ.

Giọng Đủ mềm mại, dịu ngọt làm tiêu tan tất cả bực bội trong lòng tôi. Lúc trước, tôi nghĩ nếu Đủ hỏi thì tôi sẽ nói thẳng : « Tớ không giận cậu nhưng tớ không thích cậu vì cậu cứ bắng nhắng thế nào ấy ! » Nhưng lúc này, trong đêm mát dịu sau cơn mưa chiều, đường làng chỗ sáng chỗ tối, tiếng chuông nhà thờ xóm đạo hòa với tiếng sóng biển âm vang, có đứa bạn để cùng dạo chơi thì thật là thích, vả lại, có lẽ nó cũng không phải là đứa xấu bụng. Còn tính nó như thế thì kệ nó, mình sẽ phê bình nó sau... Tôi nghĩ bụng và im lặng bước đi bên cạnh Đủ.

Khi tôi về đến nhà, hình như ở đấy vừa có một cuộc họp. Tôi nhìn thấy mấy chị đang đứng ở ngoài sân, trong bóng tối mờ mờ dưới ánh sao, nói chuyện gì đó. Tôi nghe thấy tiếng chị Hải :

— Các bạn chuẩn bị sẵn sàng, nghe thấy tiếng kẻng là lên đường ngay nhé.

Tiếng chị Hà năn nỉ :

— Em cũng muốn đi với chị.

— Để mình chị đi thôi, em phải ở nhà làm muối chứ !

— Thế còn công việc của tổ kỹ thuật với mấy cái guồng gió thì sao ?

— Mọi việc vẫn tiếp tục do anh Bình điều hành chung, Hà ạ !

Chị Hà đi vào trong nhà, gỡ tóc chải. Chỗ giường tôi nằm, màn đã mắc. Thoáng trong gió mùi thơm của một thứ hoa, thứ lá gì từ mái tóc dài mướt của chị bay ra. Nhìn thấy tôi, chị tươi cười hỏi :

— Em thức khuya thế? Chị mắc màn cho em rồi đấy!

— Em chưa đi ngủ đâu, chị ạ! — tôi rót nước uống một hơi rồi đi ra sân.

— Tuấn ơi! — tiếng chị Hải gọi và bàn tay chị nắm vai tôi kéo lại gần. – Mai em có bận việc gì không? Chị có một việc muốn bàn với em. Từ ngày mai, chị tham gia trực chiến phối hợp với đơn vị pháo bảo vệ bờ biển. Trong khi đó chị vẫn nhận một định suất của lao động chính...

— Tức là chị vẫn làm đủ số ruộng muối theo định mức của hợp tác xã?

— Ừ. Nhẽ ra chị đi vắng thì công việc sản xuất chị giao lại cho người khác. Nhưng bây giờ đang vụ muối chính, chị muốn nhờ em giúp...

Trong bóng tối, khuôn mặt chị Hải mờ mờ, tôi chỉ nhìn thấy một vùng tóc đen thẫm lòa xòa bay trong gió. Tôi chợt thấy chị đẹp. Ở nhà bác tôi, bác gái thích chị Hà, nhưng bác trai lại ưa chị Hải. Và hai chị em ruột nhưng lại rất khác nhau. Chị Hà giống mẹ, người nhỏ nhắn, thanh mảnh, nước da trắng hồng, từ cách nói năng, đi đứng đều nhẹ nhàng, cẩn thận. Chẳng bao giờ chị đi đầu trần ra ngoài nắng; đi làm chị còn cẩn thận trùm lên đầu một vuông khăn to và quấn vào cổ tay vuông khăn nhỏ. Chẳng ai nghe chị to tiếng bao giờ. Từ ngày tôi về đây, chị đối với tôi thật dịu dàng. Thế nhưng, tôi lại thích chị Hải hơn. Người chị cao khỏe, nước da rám hồng; chị làm việc nhanh, tiếng nói mạnh dạn, cương quyết, chỉ cần nhìn thoáng, ai cũng biết chị là con gái vùng biển. Tôi cảm thấy ở chị có cái gì gần gũi với tôi.

— Vùng biển quê ta hiện nay là tuyến một, ngày đêm giặc dòm ngó, cho nên cũng như biên giới, vùng biển phải ngày đêm sẵn sàng chiến đấu, em ạ! — chị Hải nói tiếp.

— Em hiểu! — tôi nắm tay chị và không biết nên nói thế nào để chị có thể yên tâm. Trong im lặng, tiếng sóng biển nổi lên dào dạt ì ầm lúc xa, lúc gần, tiếng lá xao động trên các vòm cây xanh đen. Hơi nóng buổi chiều đã bị gió biển xua tan. Bầu trời nhấp nháy sáng. Sao dày đặc, li ti như ai tung muối lên trời.

— Chị ơi, muối có từ bao giờ, hả chị? — tôi hỏi và ngước lên nhìn chị. Tôi thấy chị hơi cười, hai mắt nhấp nháy.

— Thủa xưa, mình chưa biết làm muối, không có muối ăn, mặc dù vẫn có biển — tiếng chị Hải bỗng trở nên xa xăm. — Em có biết mọi người ăn bằng gì không? Họ múc nước biển lên, cho vào nồi đun lấy muối. Còn những người ở xa biển như ở trên rừng, trên núi thì đốt cỏ tranh, đốt cây nứa, lấy tro ăn. Có nơi đào muối mỏ...

— Thế ai là người đầu tiên nghĩ ra cách làm muối, hả chị? — tôi hỏi và lắng nghe tiếng sóng biển đang gầm thét ở đằng xa, vọng lại trong đêm khuya. Tiếng biển làm cho đêm sâu xa và đầy bí hiểm với bao điều kỳ lạ và hấp dẫn mà tôi chưa được hiểu.

— Bắt đầu từ con dã tràng, em ạ! Em biết con dã tràng rồi chứ?

— Nó vẫn xe cát cả ngày ngoài bờ biển.

— « Dã tràng xe cát biển Đông, nhọc nhằn mà chẳng nên công cán gì. » Nhưng đối với nghề làm muối của mình thì dã tràng cũng có công, em ạ! Vì nhờ nó mà người ta nghĩ ra cách làm muối.

— Con dã tràng giúp người ta làm ra muối ư ? — tôi êu lên ngạc nhiên, chân bước nhẹ, hồi hộp ngẩng ên nhìn chị Hải. Trong đêm tối, đôi mắt chị sáng lên hư hai vì sao. Tôi bỗng thấy chị giống như là biển, rong chị chứa đựng bao nhiêu điều mới lạ và bí mật. Cả tuổi thơ, tôi chỉ mới gặp chị có vài lần nhưng từ ngày về làng, tuy chưa bao lâu mà tôi đã cảm thấy thân thiết, gắn bó với chị vô cùng.

— Chị ơi, con dã tràng xe cát chứ có phải xe muối đâu ! — thấy chị im lặng, tôi gợi chuyện.

— Muối khô đi trong cát — chị Hải chậm chạp trả lời. Hình như chị cố nhớ lại mọi chuyện cho đầy đủ, chính xác. — Độ thẩm thấu, tức là độ mặn ấy, trong nước biển chỉ có từ 1 đến 1,5 phần trăm, nhưng ở trong cát thì tăng lên từ 8 đến 10 phần trăm. Nói thế, em có hiểu không ?

— Hiểu ạ ! Có phải nước biển bốc hơi đi, để lại muối trong cát ?

— Ừ. Đúng thế ! — chị Hải đáp. — Có người đã cầm viên cát con dã tràng mới xe đưa lên lưỡi nếm, thấy mặn chát. Thế là họ liền lấy cát rồi đổ nước biển vào phơi. Cát khô rất mặn. Họ lại đổ nước biển lọc qua cát ấy rồi đem đun. Muối nhiều gấp đôi nấu nước biển không đọng qua cát.

Hình như tôi đã nghe hay đọc ở đâu nói về cách nấu muối, nhưng đến lúc này tôi mới hiểu được rõ ràng.

— Từ ngày tìm được cách làm muối qua con dã tràng đến khi biết sản xuất muối như hiện nay đã lâu lắm rồi, em ạ — giọng chị Hải đều đều như đang giảng bài. — Các cụ kể, ngày trước nghề làm muối thô sơ lắm, chỉ múc nước biển lên phơi hoặc cho vào nồi đun, đến khi nước cạn khô lại là thành muối. Sau đó

người ta lấy vỏ sò, vỏ hến nung lên làm vôi, trộn với cát xây sân — hồi ấy chưa có xi măng. Nhưng đến khi có xi măng làm sân thì thấy nước biển phơi trên sân xi măng hấp nhiệt chậm, ít muối. Muốn nước biển hấp nhiệt nhiều để muối kết tinh nhanh thì phải có ô nề màu da chum như ngày nay. Nhưng màu da chum làm bằng chất gì, hồi đầu chưa ai biết cả, em ạ! — chị Hải nói rồi ngừng lại rất lâu như đang nghĩ ngợi điều gì. Chợt chị hỏi: — Em có ra chỗ đường thông chơi bao giờ chưa?

— Có. Em có ra.. — tôi đáp và hồi hộp nhớ lại chuyện buổi trưa nay, chuyện ông cụ lội mương và bia mộ lớn dưới gốc thông... — Chị ơi, chị kể cho em nghe chuyện ấy đi! — tôi nắm chặt cánh tay chị, giật giật.

— Lặng im chị kể cho nghe...

... Chuyện ấy xảy ra trong những ngày Cách mạng tháng Tám mới thành công. Chính quyền vừa xây dựng, có nhiều khó khăn, bọn phản động và tay chân của thực dân Pháp còn ẩn nấp trong các hang ổ của bọn phản cách mạng, luôn luôn tìm cách chống phá chính quyền. Lợi dụng sơ hở của ta, bọn chúng nổi lên cùng bọn tôn giáo phản động dọc bờ biển cướp bóc tài sản của nhân dân và bắt một số cán bộ cách mạng đem trói ra ngoài đường thông để định thủ tiêu.

Hôm ấy, những chú bé mà lịch sử chẳng ghi được tên, đi bắt nghêu sò bên bờ biển, vô tình qua bãi cát ấy. Các em nghe thấy có tiếng người gọi. Các em chạy tới và thấy hai anh thanh niên bị trói dưới gốc thông. Các em hiểu ngay vì sao. « Phải cứu các anh ấy! » Các em nghĩ và nhìn quanh. Lúc ấy, bọn phản động đang mải cướp trong làng, bắt bớ cán bộ, không để ý đến những em bé bắt nghêu sò. Trong tay các em chỉ có những con cá, con cua, dăm con sò hến. Các em nhặt

ở dưới đất lên những mảnh sò, cứa vào dây thừng trói tay các anh. Dây thừng đứt, hai anh thanh niên vùng chạy. Bọn phản động bắn đuổi theo. Họ bơi qua sông, sang làng bên.

Mấy hôm sau, chính quyền dẹp bọn phản nghịch và vùng muối cùng cả nước bắt đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Một trong hai người thanh niên đó sau này đã tìm ra cách làm ô nề màu da chum để hấp nhiệt nhanh.

Hai chị em về đến nhà thì đêm đã khuya. Trong nhà, mọi người đã đi ngủ. Mọi đêm tôi thường rất dễ ngủ, đặt mình nằm xuống là ngủ ngay, nhưng đêm nay sao mà trằn trọc đến thế. Có bao nhiêu câu hỏi cứ hiện ra trong đầu tôi. Tôi vùi đầu vào gối mà vẫn không sao ngủ được. Tiếng biển trong đêm khuya dội về ầm ã, dào dạt, tôi có cảm giác như biển đang ở rất gần tôi.

— Chị Hải ơi ! — tôi gọi sẽ.

— Ngủ đi, em ạ, khuya lắm rồi ! Ngủ lấy sức mai còn đi làm đỡ chị. Hôm khác chị sẽ kể nốt cho em nghe — tiếng chị Hải thì thầm.

Tôi nhắm mắt lại và thấy hiện ra những con dã tràng nhỏ xíu chạy nhanh biến trên bãi cát.

3

Tôi thức dậy từ sớm, ngay sau khi hai bác và chị tôi dậy. Tôi bám sát chị Hải, bồn chồn không yên vì những chuyện nghe dở dang. Chị Hải như không chú ý đến tôi, chị mải lo nghĩ, tính toán những công việc riêng của chị. Chị ăn cơm rồi đeo súng đi ngay.

— Đêm hôm qua thức khuya sao không ngủ thêm một lúc nữa, dậy làm gì sớm vậy, hả Tuấn ? — bác trai tôi hỏi.

— Hôm nay cháu đi làm muối — tôi đáp.

— A, giỏi nhỉ! Bà thấy cháu tôi giỏi chưa? — bác trai tôi nói với bác gái.

— Mới về làng được mấy hôm mà nom khác hẳn — bác gái đáp bằng một lời khen.

Tôi nghe khen mà thấy ngượng. Phải đâu tôi đã thích làm việc đến thế, mà vì chị Hải nhờ và nhất là những chuyện chị Hải kể cho tôi nghe dở dang đêm qua. Người được các em bé cứu thoát năm ấy là ai, có phải là ông cụ mà tôi gặp ở ngoài đường thông ấy không?

Từ ngày về làng, sáng nay tôi mới ra đồng sớm như thế này. Trời vẫn còn tối. Bóng tối như bị dập vỡ ra vì tiếng chân người, tiếng cười nói xen tiếng quả bầu, tiếng xẻng, tiếng trang cào và tiếng xe cút kít hối hả rậm rịch chạy trên các ngả đường. Cánh đồng muối hiện ra với những ô nề trống, những hạt muối còn sót lại lấp lánh như thủy tinh, những con mương dẫn nước mặn vào ruộng loang loáng. Mọi người tất bật làm việc. Những bắp chân trần rám nắng chạy thoăn thoắt sau các xe cút kít...

Mặt trời lên từ phía biển. Nắng lên. Mỗi ô nề như một tấm gương lớn để dưới nắng. Tấm nọ xếp liền tấm kia san sát trên các cánh đồng.

— Khô nề rồi, đổ chạt đi thôi! — tiếng loa của đội trưởng sản xuất vang lên. Mọi người cầm quả bầu múc nước biển đã lắng mặn sau một đêm lọc qua chạt[1] và đọng lại ở trong thống[2] đổ lên ô nề. Nước sóng sánh một lúc, mặt nước dần dần se lại, đóng váng. Gió thổi qua rung rinh.

---

(1) Chạt : hố có phên để đựng cát đã phơi rồi đưa nước biển vào.

(2) Thống : dụng cụ bằng sành, chôn ở dưới đất để đựng nước muối đã lọc qua chạt.

— Hôm nay nắng to, đổ nước đầy mí[1] nhé! — bác tôi dặn chị Hà.

— Sao hôm nay biết là nắng to, hả bác? — tôi hỏi và ngẩng lên nhìn những đám mây hồng đang bay ngang bầu trời.

— Thế cháu không nhìn cờ hiệu hôm qua à?

Nghe bác hỏi, tôi mới nhớ, chiều hôm qua trên cột cờ ở ngoài đồng treo một lá cờ đỏ chói. Màu đỏ là màu cờ báo nắng. Nửa đỏ nửa vàng báo nửa ngày nắng, nửa ngày râm...

Những đám mây màu xám bay nhanh qua phía biển. Sau con đê dài chạy thẳng như một cái thước kẻ khổng lồ, mặt trời bừng lên những tia sáng rực rỡ như một đám cháy. Tôi xúc cát, đẩy xe, múc nước muối đổ vào ô nề với chị Hà; bác gái tôi thì văng cát. Bỗng chị Hải chạy từ đâu lại, đập tay lên vai tôi:

— Có phải ông cụ hôm qua em gặp kia không?

Tôi giật mình, quay lại. Trên đường, một ông cụ đang đi như chạy về phía cuối làng, áo mở cúc để lộ ra bộ ngực to đầy, đỏ au, tay cầm một gói nhỏ màu vàng.

— Đúng rồi, chị ạ! — tôi reo lên khi nhận ra những bước chân hơi khập khiễng.

— Ông Sung đấy, em ạ! Ông Sung làm khí tượng. — Dường như đọc thấy vẻ ngạc nhiên trong mắt tôi, chị giải thích: — Ở trên Văn Lý có trạm khí tượng của huyện, hàng ngày trên đó có thông báo chung về tình hình mưa nắng cho cả huyện. Còn ông Sung thì thông báo riêng cho một mình xã ta. Trạm ở Văn Lý có nhiều máy móc, cán bộ kỹ thuật, họ đo mực nước biển thả bóng

---

(1) Mí: mép ô ruộng.

bay và thông báo khí tượng bằng máy, còn ông Sung thì kết hợp với kinh nghiệm và quan sát thiên nhiên...

Thấy hai chị em tôi chuyện trò, bác gái tôi bảo :

— Làm giúp bác đi một lúc nữa rồi nghỉ, nắng lên rồi kìa !

Tôi cúi xuống, văng cát. Làm không quen, hai tay tôi lóng ngóng. Lẽ ra phải xoay người theo vòng tròn, nghiêng xêu [1] hất mạnh cho cát tóe mỏng thì tôi lại xoay ngang xêu, cát đổ ụp ngay xuống dưới chân thành một đống. Chị Hải vội vã lấy xêu hớt đống cát tôi vừa đánh đổ, văng xoay xoáy. Tôi không để ý đến cát, đến xêu, đến chị Hải, mắt tôi còn mải nhìn theo ông Sung đang đi về phía cờ hiệu.

— Làm thì phải chú ý vào tay mới không hỏng, cháu ạ ! — bác gái tôi lại nhắc.

Tôi cúi xuống, văng cát. Lần này xêu cát không bị đổ ụp vào một chỗ như trước mà tãi rộng ra. Tiếng cát rơi trên sân phơi không ì ịch như lúc trước mà rào rào. Tiếng cát rơi nối từ ruộng nọ sang ruộng kia nghe như mưa rào.

Có tiếng ai nói to ở ruộng bên. Bác tôi ngừng tay, ngẩng lên nhìn về phía cờ hiệu, mắt hơi nheo lại rồi nói :

— Chiều nay nắng ỉu rồi !

Tôi nhìn theo tay bác chỉ, thấy lá cờ hiệu màu đỏ chói treo từ chiều hôm qua đã hạ xuống và thay bằng một lá cờ trên đỏ dưới vàng. Tôi nhận thấy mọi người trên các ruộng muối ai cũng ngẩng lên nhìn cờ hiệu rồi mới cúi xuống làm tiếp. Họ lấy bầu múc nước đổ lên ô nề ít hơn lúc nãy. Trước, họ đổ bảy bầu một ô nề, giờ chỉ đổ sáu, có nhà chỉ đổ năm.

---

(1) Xêu : giống cái xẻng, dùng để tãi cát phơi trên sân.

« À, thì ra ban nãy ông Sung đi treo lại cờ; cái gói màu vàng ông cầm ở trong tay ấy là lá cờ ». Tôi nghĩ rồi lại cúi xuống tiếp tục văng cát.

Anh Bình đến gọi chị Hải đi với tổ xung kích. Đã đến giờ lấy nước, bác trai tôi đi mở cống. Trên ruộng chỉ còn chị Hà và bác gái tôi đổ nước chạt lên ô nề. Thấy việc đã vãn, tôi bảo chị Hà:

— Em chạy ra chỗ đằng kia một tí nhé?

— Em cứ đi nhưng chú ý đừng giẫm lên ruộng cát của người ta nhé — chị Hà dặn.

Tôi « vâng » một tiếng thật to rồi chạy phóng đi.

« Trời đang nắng to như thế này, làm sao ông Sung lại biết là đến chiều nắng yếu mà treo lại cờ nhỉ? » Tôi nghĩ và chạy nhanh về phía cột cờ hiệu. Nhất định tôi sẽ hỏi ông Sung cho rõ điều bí mật ấy. Nhưng khi tôi đến nơi, ông Sung đã không còn ở đó nữa.

Tôi chạy về ruộng muối của mình thì mọi việc đã xong, bác gái và chị Hà đang chuẩn bị ra về. Mấy đứa bạn trong xóm muối kéo nhau đến chỗ tôi.

— Đi nhảy sóng đi! — một đứa rủ tôi.

— Đi thì đi! — tôi đáp.

Thế là cả bọn theo một đường tắt chạy ào ra biển. Trung phóng lên đê rồi lại từ trên đê lao xuống bãi cát như một mũi tên. Tiếng nó reo:

— Thủy triều đêm qua lên cao quá!

Trên bãi cát mịn, những vệt sóng còn in lại hình vỏ sò. Hai đứa con gái không đi mà nhảy lò cò trên cát, vừa nhảy vừa đếm, tiếng bạt đi trong gió. Tôi nhận ra Chính và Hồng.

Cát mát rượi, lăn tăn dưới nắng. Những con dã tràng bé tí nhẫn nại vê cát xếp thành những hoa vân tỏa

rộng trên bãi. Thấy bọn tôi đến, chúng vội vã lao về hang, để lại vạn triệu những viên cát nhỏ li ti.

Trung và Vinh cởi quần áo ngoài để lên một đống cát rồi chạy ào xuống biển, bơi tít ra ngoài xa. Thoáng cái, chúng đã mất hút vào giữa những đợt sóng, thỉnh thoảng tôi mới nhìn thấy một cái chấm đen bé tí xíu hơi nhô lên. Tôi cũng cởi quần áo ngoài ra, lội xuống nước nhưng chỉ quanh quẩn ở ven bờ.

— Sao? Cậu chưa biết bơi à? — Trung lượn vào bờ như một con cá, nhô lên gần tôi, vuốt nước trên mặt rồi hỏi, có vẻ ngạc nhiên. — Ở Hà Nội tớ tưởng cũng có bể bơi kia mà.

— Có... Nhưng... — tôi lúng túng đáp rồi thèm thuồng nhìn Vinh đang bơi ở ngoài xa. — Giá mình có một cái phao!... — tôi chợt nghĩ và nói nhỏ.

— Muốn biết bơi thì đừng tập phao. — Nói rồi Trung đến gần tôi: — Tớ dạy cậu bơi nhé!

— Nhưng mà sóng hôm nay to quá! — tôi đáp và lo ngại nhìn những con sóng dài liên tiếp nổi lên, dồn dập xô vào bờ.

— Không sợ! — Trung đứng thẳng người làm mẫu cho tôi: — Động tác trước tiên là cậu phải làm sao cho mình nổi lên trên mặt nước. Nước biển nặng, cậu sẽ rất dễ nổi!

Trung ngậm miệng lại, nín hơi, sải hai tay ra phía trước, nằm im trên mặt nước. Những đợt sóng tràn lên người Trung, đưa nó bập bềnh trôi như một cái lá.

— Nào, bắt đầu! — Trung nắm vai tôi, đẩy ra xa. Tôi hơi sợ nhưng cũng phải làm theo.

— Ngậm hơi lại, sải tay ra, vươn tới trước! — Trung nói như ra lệnh.

Người tôi không nổi trên mặt nước mà lại chìm xuống. Mặt mũi tối tăm, sặc sụa, tôi mò chân tìm cát rồi đứng lên, vuốt mặt, lắc tóc.

— Cậu phải bình tĩnh mới được! Nào, làm lại! — Trung nhắc.

Tôi bước ra một khoảng nước giữa hai đợt sóng, môi mím chặt, hai tay hai chân choãi rộng ra, lao lên sóng. Người tôi vẫn cứ lặng lẽ chìm xuống như một hòn đá. Tôi chưa kịp ngóc đầu dậy thì những đợt sóng lớn đã tới tấp ào lên đẩy tôi vào phía trong bờ một tí rồi lại kéo tôi ra xa. Tôi lồm cồm mò cát đứng dậy.

— Sắp được rồi đấy! Cố gắng lên! — Trung nhìn tôi, vẻ khuyến khích, động viên.

Tôi phấn khởi lao ra. Vừa lúc ấy tôi thấy có hai bàn tay ôm lấy người tôi, đẩy lên. Tôi vuốt nước trên mặt và nhận ra Vinh. Người nó nhỏ và gầy nhưng sao lúc này nó khỏe và nhanh thế không biết. Tôi nhổ ngụm nước mặn chát trong mồm ra, nhìn nó, vẻ biết ơn, nhưng Trung lại cằn nhằn, trách móc:

— Cậu làm như thế thì bao giờ nó biết bơi được!

Tôi tập thêm một lần nữa rồi lội ra xa, nhảy sóng. Bọt sóng rào rào quày quần trắng xóa chung quanh làm tôi rất dễ chịu. Những tiếng cười giòn tan trong sóng, chúng tôi nhìn mặt nhau nhòe giữa những bọt nước. Mặt đứa nào cũng tươi ướt trong nắng gió buổi sớm.

— Ơ, cậu nào kia? — Trung chỉ tay lên bãi cát.

Một cái bóng nhỏ, nâu sẫm, từ trên đê đi xuống, tay cầm một cái gì. Nó đi đến gần, chúng tôi nhận ra thằng Đủ. Đủ mặc quần áo tề chỉnh, tay cầm một quả bầu nhỏ, cán ngắn.

— Mày đi đâu đấy? — Trung hỏi.

— Tớ đi tắm — Đủ trả lời rồi giơ quả bầu lên.

— Thế mà tao lại tưởng mày ra biển múc nước về làm muối! — Vinh nói và nhếch mép cười.

Chúng tôi cười vang.

Đủ đỏ mặt. Nó ngồi xổm, cởi quần áo ngoài để lên một mô cát.

— Xuống đi cậu! Ai lại ngồi trên đó mà múc nước thế? Có chúng tớ, cậu không chết đâu mà sợ! — Trung nói.

— Nó làm như biển là cái ao của nhà nó ấy! — Vinh nói tiếp.

Đủ vẫn lặng thinh trước những lời trêu chọc của các bạn. Nó từ từ cởi nốt cái áo may ô, chỉ còn mặc có một cái quần đùi màu đen. Người nó tròn trĩnh, trắng nõn, cái bụng mềm mềm và hơi to. Nó đứng lên, băn khoăn nhìn những đợt sóng ào ạt xô vào bờ, tung cao lên đến tận ngực nó. Nó vội vàng lùi lại, ngồi xổm trên cát ướt, lấy tay đào một cái hố ở trong cát. Nước dồn vào thành một vũng to, trong suốt. Đủ cầm quả bầu múc nước giội lên người. Nước mát làm cho mặt mũi nó tươi lên. Nó cười. Trung đi lên, nắm tay Đủ kéo xuống, nhưng nó giẳng tay lại, vẻ giận dỗi.

— Thì kệ cậu! — Trung nói rồi bỏ tay Đủ, bơi ra ngoài.

Đủ lại tiếp tục múc nước giội lên người. Tôi nhìn nó, vừa buồn cười vừa thương nhưng không dám nói gì vì tôi cũng không biết bơi, khổ nói lắm. Nhưng dù sao cũng phải nói cho nó biết rằng nước không phải là thứ đáng sợ đến thế, và nếu đã sợ thì sao lại còn ra biển. Tôi lội ra xa, hai tay chụm lại, giơ thẳng, lao lên trên mặt nước, nín hơi và nằm im. Tôi cảm thấy người nhẹ đi và khi đợt sóng phía sau trùm lên, tôi vẫn cố nằm im không vùng vẫy hoặc ngồi dậy như trước.

— Khá lắm! Gần bơi được rồi! Cố tập đi! — tiếng Trung nói.

Tôi biết là Trung động viên tôi chứ người tôi vẫn cứ chìm xuống khi tôi bắt đầu đập chân, vung tay. Nước vào mắt tôi cay xè, hai tai tôi đầy nước kêu lùng phùng. Trung và Vinh đã bơi ra xa, hai cái đầu như hai cái chấm đen lúc mất, lúc hiện ra trên mặt sóng.

Tôi bỗng thấy tiếc sao đến bây giờ tôi mới tập bơi. Hà Nội có nhiều bể bơi và hồ rộng. Nhưng thôi, đã tiếc thì phải cố. Động tác đầu tiên là làm sao phải nổi lên trên mặt nước. Trung dặn tôi như thế. Tôi ngậm miệng, nhao ra.

Tôi bỗng nghe thấy tiếng kêu ở trên bờ. Nhìn lên, tôi thấy Đủ đang luống cuống: quả bầu của nó đang trôi ra xa vì bị tuột cán mà nó thì không dám lội xuống nước.

— Vớt hộ tớ với, mau lên! — nó bảo tôi.

Tôi vừa đứng dậy thì một đợt sóng trào lên cuốn quả bầu trôi tít xuống phía dưới, nước tràn vào gần đầy. Tôi lao tới, nhưng Trung đã nhanh hơn tôi, tay nó đã cầm quả bầu, giơ lên cho Đủ trông thấy. Đủ giơ tay vẫy rối rít. Lẽ ra phải đổ nước trong bầu đi rồi trả lại cho Đủ thì Trung lại để quả bầu xuống nước. Quả bầu nhẹ, nổi lênh đênh. Một đợt sóng trào lên, quả bầu không up mà trườn lên cao rồi nhao xuống như một con thuyền tròn. Tôi nhìn thấy Đủ cầm cái cán bầu chạy đi chạy lại trên bãi cát, chân giậm mạnh.

— Giả nó đi! — tôi bảo Trung.

— Bảo nó ra đây thì tao giả! — Trung đáp rồi cầm quả bầu đi vào gần bờ. Đủ miễn cưỡng lội xuống nước.

— Ti nữa, lí nữa! — tiếng Trung nói từ xa.

Đủ bước thêm từng bước ngắn nhưng tay nó cứ gần chạm vào quả bầu thì Trung lại lùi về phía sau. Nước đã ngập quá đầu gối, mặt Đủ méo xệch, nó nói như mếu :

— Cho tớ xin !

— Thôi, đừng trêu nó nữa, mày ơi ! Giả nó quả bầu đi ! Nó cầu rồi đấy.

Trung có vẻ cũng nghe lời tôi, nó cầm quả bầu đi về phía Đủ, vừa đi vừa giơ tay vẫy vẫy. Đủ vội vã chạy đến và chìa tay ra. Trung nắm tay Đủ, kéo mạnh, chạy phăng phăng ra xa.

— Bỏ tao ra ! Bỏ tao ra ! — Đủ kêu lên.

Trung lờ đi như không nghe thấy, cứ kéo Đủ chạy. Thoáng cái, nước đã ngập đến ngực Đủ. « Sao thằng Trung ác thế nhỉ? » Tôi nghĩ thế rồi lội ra cứu Đủ. Nhưng tay tôi vừa giơ ra thì Trung đã gạt đi. Một con sóng to lừng lững dựng lên trùm kín cả ba đứa.

Tôi thấy Đủ vẫy vùng, cuống cuồng nhào lên như bị bỏng. Tóc nó ướt lướt thướt, mắt nhắm nghiền và mồm nhổ phì phì. Nó chưa kịp chạy vào bờ thì một đợt sóng khác lại ào tới, trùm lên tất cả.

— Mày để yên đấy ! Nó đã về ở biển thì phải quen với biển ! Con trai gì mà nhát như cáy ! – Trung bảo tôi rồi nắm lấy tay Đủ. Khi một con sóng nữa trào đến, Trung hô : — Nhảy lên !

Thật là miễn cưỡng và khổ sở nhưng không biết làm sao khác, Đủ nhảy cao và con sóng chỉ đập vào ngực nó.

— Nhảy nữa ! — Trung lại nhắc và Đủ lại nhảy lên.

Tôi nhìn thấy mặt Đủ tái mét ; bàn tay nó run trong tay tôi. Nó sợ hay nó lạnh, hay nó tức? Nước biển buổi sáng mát lạnh, sóng cũng không to lắm, cả ba đứa đều đứng quanh, nó sợ gì?

Đủ không kêu gào như trước mà gần như khẩn khoản, van xin; mắt nó ướt như đang khóc:

— Cho tôi lện không có bố tôi trông thấy!

— À, ra không phải nó sợ nước mà là sợ bố.

— Chơi một lúc nữa, bố thấy thì làm sao mà sợ? — Vinh nói và nhảy lên đón một cơn sóng mới vừa ào tới.

— Bố tớ cấm không cho tớ xuống biển, bố tớ bảo xuống biển dễ chết đuối — Đủ ngập ngừng rồi nói.

— Chỉ vớ vẩn. Nhảy đi! — Trung nói như quát.

Đủ lại nhảy, nhảy liên tiếp. Nó đã có vẻ quen nước.

Mặt trời đã lên cao, chúng tôi chạy dọc theo bờ biển, trở về. Gió đuổi sóng ào ào trườn lên bãi cát đưa tiễn chúng tôi.

— Chiều, thu muối xong lại ra biển tắm nhé! — Trung bảo tôi. Tôi gật đầu và nghĩ đến một thứ mà tôi phải tìm để mang theo: cái phao.

— Đủ có đi không? — Vinh hỏi và nháy mắt.

— Để tớ hỏi bố tớ đã! — Đủ nói rồi bước đi, kéo lê quả bầu trên cát, nét mặt nó có vẻ bâng khuâng.

Tóc tôi đã khô, người tôi mặn mà vị muối. Một vài hạt cát còn dính trong người tôi nghe ram ráp. Lòng tôi rộn ràng, nhẹ nhõm và rất vui.

4

Trời đang trưa. Những bóng cây đổ tròn ngay dưới gốc. Mọi người ở trong nhà nghỉ ngơi, tránh nắng, chờ đến giờ thu muối.

Đúng như cờ hiệu dự đoán hôm qua, hôm nay trời nắng to thật. Nhưng có điều nắng đỏ lên như thế kia là nắng dài, sao ông Sung lại bảo là nắng yếu để mọi

người đổ ít nước chạt lên ô nề? Nhẽ ra ông ấy phải để nguyên cờ hiệu đỏ như hôm qua chứ! Nếu ông để nguyên cờ hiệu màu đỏ thì họ sẽ đổ lên mỗi ô nề từ bảy đến tám bầu nước, nhưng vì cờ trên đỏ dưới vàng nên họ chỉ đổ có năm, sáu bầu. Đổ ít nước mà nắng cứ lớn như thế này, đến chiều tối muối sẽ bị khê mất. Không biết ông Sung căn cứ vào đâu mà treo cờ như vậy? Quả thật nhìn nắng, tôi thấy lo. Tôi rất muốn gặp ông Sung để hỏi cho ra nhẽ, vì ở nhà chẳng ai có thể giải đáp cho tôi được. Ngay cả bác trai tôi là người hiểu biết nhất về sản xuất cũng chỉ trả lời lờ mờ:

— Ông ấy làm theo kinh nghiệm, chắc là đúng thôi.

— Kinh nghiệm về thời tiết là như thế nào, hả bác?

— Như cháu làm toán thì hai cộng với hai là bốn ấy!

Nghe bác giải thích như thế, tôi chẳng thấy sáng sủa thêm tí nào mà lại càng thêm thắc mắc.

— Thế ngày xưa, hồi bố cháu còn bé, ở làng làm muối có cờ hiệu như thế không, hả bác?

— Chao! Nếu có thì bố cháu đã không phải bỏ làng mà đi! Cả làng này toàn những mái tranh dột nát, cả làng này không có lấy một mái nhà gạch. Đàn bà đầu trọc, váy xanh chứ đâu được sung sướng như các cô, các cậu bây giờ.

— Vì sao đàn bà lại đầu trọc, váy xanh, hả bác?

— Đầu trọc vì đội muối nhiều, nước muối nhỏ xuống rụng hết tóc; váy xanh vì giặt nước muối mặn, vải đen bạc đi thành màu xanh. Bác gái cháu hồi đẻ chị Hải xong cạo trọc ngay (ở làng này ai cũng thế, cứ đẻ xong một đứa con là cạo trọc luôn). Sau này bác mới để tóc lại đấy!

Bác trai tôi nói rồi đội nón đi. Chắc bác lại ra ngoài cống biển. Việc lấy nước vào đồng của bác vào giờ giấc nào, chỉ có mình bác biết...

Tôi ngồi trên hè nhìn chị Hà gội đầu. Tóc chị dài, mượt mà quấn mấy vòng trong chậu nước. Mùi lá thơm và mùi chanh bay lên làm tôi thấy mát cả người. Chị Hải không có nhà. Những điều tôi thắc mắc, chỉ có chị Hải mới giải đáp được.

— Đi ngủ, Tuấn ơi!

Bác gái gọi tôi. Chị Hà cũng giục theo. Tôi cũng thấy người hơi mệt nên đi vào nhà, lên giường nằm. Giấc ngủ chờn vờn vỗ đôi cánh mỏng trên mí mắt tôi. Và, tôi thấy mình thơ thẩn ngoài biển.

Trời gió to, sóng xô vào bờ ào ào. Giữa những đợt sóng, có một con cá rất lớn, mình trắng toát, cái vây dựng lên như một cánh buồm, mồm há ra to như một cái hang đen ngòm. Tôi sợ quá, quay đầu định chạy nhưng không sao nhấc chân lên nổi.

Con cá trườn theo tôi, thè cái lưỡi ra quấn vào chân tôi rồi từ từ bơi ngược ra biển. Tôi vùng vẫy, la hét, cố rút chân ra, đạp mạnh vào mồm con cá rồi lao vụt ra ngoài như một mũi tên. Tôi ngã xoài trên cát...

Tỉnh dậy, tôi thấy bác gái và chị Hà đang tíu tít chuẩn bị dụng cụ thu muối để đi ra đồng. Trời một màu chì xám, âm u.

— Ra đồng thu muối giúp bác, mau lên, cháu! Nhanh nhanh, không có mưa đến nơi rồi!

Tôi vùng chạy ra ngoài sân. Gió mát lạnh. Đâu còn cái nắng gắt gao lúc ban trưa! Đầy trời mây xám và gió. Tôi chạy vội ra đồng. Mọi người đang hối hả cào muối. Trên những ô nề, muối đã khô, trắng sáng lên

như những mảnh gương. Nước vừa khô hết, chỉ để lại những vệt ướt loáng thoáng làm cho hạt muối càng thêm tươi tắn.

— Nếu ông Sung không treo lại cờ thì bây giờ muối hãy còn ướt lắm! — tiếng một người nói.

— Muối đẹp quá nhỉ!

Tiếng nói, tiếng cười, tiếng trang cào lẫn vào tiếng những hạt muối tươi lấp lánh vun đống lại dưới lưỡi trang sắt mỏng và sắc của tôi. Chị Hà mải miết thu cát. Những hạt cát đã khô, đọng muối màu trắng nhạt, dồn lại. Người ta xúc cát, đổ vào chạt. Tiếng cát rơi rào rào, tiếng chân lèn chạt bình bịch từ ruộng này nối sang ruộng kia.

Xúc xong muối lên xe để chở về kho, tôi ra kênh nước ngọt rửa tay, chợt thấy một người đàn ông đang đi dọc theo con kênh về phía đê biển. Bóng người cao cao, bộ quần áo nâu, bước đi hơi lệch. Trống ngực đập thình thịch, tôi đứng lên, vội vã chạy theo:

— Ông Sung ơi! Ông Sung!

Tôi gọi, mừng quá nên cổ cứ tắc lại không thành tiếng. Ông cụ đi rất nhanh nên tôi phải chạy một lúc sau mới đuổi kịp. Ông cụ đi, tay không, chân đất. Ông cụ đi đến đâu, nhiều người cất tiếng chào, có người còn giữ ông cụ lại để khoe:

— Không có cờ của ông thì nhà cháu hôm nay chẳng thể nào thu được ngần này muối!

— Mai mưa hay nắng, hả ông? — có người hỏi và nhìn về phía cờ hiệu: vẫn nguyên lá cờ trên đỏ, dưới vàng treo từ sáng.

Ông Sung tiếp tục đi và tôi thì chạy theo sau ông như một cái bóng. Tôi cũng không hiểu đi theo ông Sung để làm gì. Tôi cảm thấy ông như hòn đá nam châm mà tôi là viên sắt nhỏ.

— Hừm... — bỗng nhiên ông Sung « hừm » một tiếng làm tôi giật mình. — Cháu có việc gì thế? — ông giơ tay giữ lấy hai vai tôi, mắt nhìn tôi với vẻ ngạc nhiên.

— Ông ơi, làm sao ông biết được mưa hay nắng rõ ràng như thế? — tôi lúng túng hỏi rồi cúi nhìn xuống đất, tránh đôi mắt xoi mói của ông Sung đang chăm chú nhìn tôi.

— Đi theo ông, ông đang vội, có được không? — ông Sung vỗ lên vai tôi, hỏi.

— Được chứ ạ! — tôi vội vã trả lời rồi hối hả đi theo ông. Một lúc sau, tôi đã đứng trên đê biển. Trong bầu trời nắng nhạt, mây ùn ùn dựng lên ở phía chân trời, trông như hình đồi núi. Mặt trời trắng như thiếc, sau cứ úa dần đi. Nước biển tỏa ra mênh mông, sóng dồn dập, ồn ào tung vào bãi cát.

— Cháu nghe thấy tiếng sóng biển chiều nay như thế nào? — ông Sung hỏi và nhìn tôi.

Tôi đứng im, mắt hơi nheo lại, lắng nghe một lúc rồi đáp:

— Tiếng sóng biển chiều nay kêu âm âm ạ!

— Thế nước biển màu gì? — ông Sung tiếp tục hỏi.

Tôi ngẫm nghĩa rất lâu từ những con sóng ở gần đang hối hả đập vào bờ đến những con sóng ở phía xa tít. Từ trước đến nay tôi chỉ thấy nước biển trong xanh hoặc đỏ ngầu phù sa, bây giờ nhìn kỹ tôi mới thấy nước không xanh mà cũng chẳng đỏ.

— Nước lờ lờ ạ! — tôi trả lời.

— Nó giống màu gì, cháu cố nghĩ xem.

Ông Sung hỏi gặng. Tôi cảm thấy ông đang là thầy giáo mà tôi là đứa học trò, còn bài học là biển cả.

Trán tôi nhăn lại, mắt tôi mở to, đầu tôi cố nghĩ về một cái gì đó giống như màu nước biển lúc này.

— Nước biển giống màu lá khoai non...

— Giỏi! Cháu nhận xét rất giỏi! Sóng biển kêu ầm ầm, nước biển màu lá khoai non, nhớ kỹ nhé!

Ông Sung nói rồi từ từ lội xuống bãi cát. Tôi lội theo. Chân tôi trượt dài trong cát, thỉnh thoảng lại đau nhói vì giẫm phải vỏ sò, vỏ hến. Ông Sung đi rất nhanh đến cách mép nước độ một sải tay thì dừng lại. Ông chỉ tay ra chỗ những làn sóng trắng như bọt thủy tinh vỗ vào bờ rồi lại hỏi:

— Đố cháu biết con gì đang bơi vào bờ thế kia?

— Ơ! Con rắn! Con rắn, ông ạ! — tôi kêu lên, hốt hoảng chạy vào.

Trên mặt nước có những con rắn dài hơn một mét, lưng xanh nhạt có nhiều khoanh màu xám thẫm đang trôi dập dềnh theo sóng.

— Cháu đừng sợ! Đấy là những con rắn đèn. Rắn đèn tuy nọc rất độc nhưng chỉ quanh quẩn ở dưới nước và ăn cá biển thôi, ít khi nó lên bờ cắn người.

Ông Sung nói vậy nhưng tôi vẫn sợ, chân tôi cứ lùi dần lại phía sau.

— Cháu có trông thấy cái gì ở ngoài khơi kia không?

Tôi nhìn theo tay ông Sung, thấy một cánh buồm nhỏ xíu màu nâu bập bồng ở phía xa.

— Hồi còn trẻ, ông thường đi ra ngoài đó đánh cá đấy!

— Ông cũng đi bằng thuyền có cánh buồm nâu như thế phải không hả ông?

— Ông làm gì có thuyền, có buồm mà đi. Ông đi bằng chân, đi bằng cà kheo. Ông dựa vào nước mà đi. Nếu chỉ đứng trên bờ mà nhìn xuống nước thì thấy sợ

lắm nhưng khi đã xuống nước rồi thì nước lại rất êm. Sóng trông ồn ào, dữ dội thế kia, tưởng như nó sẽ xô ngã mình nhưng thực ra nó lại nâng đỡ mình. Ông dựa vào những con sóng mà đi. Ở dưới biển vui lắm, cháu ạ! Tôm cá xôn xao. Chúng bơi, chúng lượn, có con nhảy lên khỏi mặt nước, có con đâm cả vào người ông. Không sao cả, cháu ạ! Việc nó, nó làm; việc ông, ông làm! Tháng giêng hai là mùa cá thu, cá trích, cá mực. Tháng ba nhiều cá trích nhất. Tháng tư, tháng năm là mùa cá chim. Cá phèn vào tháng sáu, tháng bảy... Mùa thu cá nụ, tôm he; mùa đông cá nục... Ông thuộc mùa, thuộc đường đi, luồng lạch của cá. Người ta vẫn bảo rừng vàng biển bạc, thế mà ông vẫn không kiếm được đủ ăn! Cá đánh được đem lên bờ là phải nộp thuế ngay. Ngày đó, ở trong đồng có địa chủ muối, ở ngoài biển có địa chủ nước. Biển là của ta, cá là của biển, đánh được cá là công của ta, thế mà khi đánh cá lên đến bờ là phải nộp thuế ngay, nộp gần hết. Còn muối, suốt ngày diêm dân [1] nai lưng phơi nắng làm từ sáng đến chiều để rồi chiều xuống, bọn địa chủ cầm roi đi thu muối. Diêm dân phải đội muối về đổ vào kho cho chúng. Ngày đó mình đâu có làm được nhiều muối như bây giờ, có khi số muối làm được không đủ để đóng thuế, diêm dân phải bỏ làng đi nơi khác kiếm ăn như gia đình nhà cháu đấy. Ấy là nhà cháu còn về được là may mắn lắm đấy; những người khác vào tận miền Nam làm đồn điền cao su, nhiều người chết mất xác! Làng ta đi rất đông mà về rất ít — ông Sung thở dài. — Ông không thể bỏ quê hương mà đi, nhưng sống trên đất ông cũng không thể sống nổi, ông phải tìm cuộc sống ở dưới nước. Gian khổ lắm, cháu ạ! Những lúc đói, cháu có biết ông ăn gì không? Ông ăn tôm ăn

(1) Diêm dân : người làm muối.

tép. Con nào to, ông vặt râu, bóc vỏ ngâm vào trong nước biển một lúc; con nào nhỏ thì ông cứ thế ông ăn. Thịt tươi ngọt và thơm lắm, cháu ạ!

Ông Sung ngừng nói rồi mở túi lấy ra gói thuốc lào và cái điếu bằng con ốc biển. Tôi khum tay, che gió cho ông đánh diêm. Mùi thuốc khét khét.

— Hồi ấy ông khỏe lắm. Ông thích ở dưới biển hơn ở trên mặt đất. Mỗi lần xuống nước, ông thấy người vui hẳn: sóng nước, tôm cá tưng bừng như trẩy hội. Biển giàu có lắm cháu ạ! — ông Sung rít từng hơi dài và nhìn ra ngoài khơi. — Ấy thế mà đến một ngày kia, ông không đi biển được nữa.

— Địa chủ nó cấm ông à? — tôi ngước nhìn ông Sung. Từ nãy đến giờ, câu chuyện chân tình và cởi mở của ông làm tôi không còn sợ ông nữa mà ngược lại, tôi thấy yêu mến và gần gũi ông.

— Ông bị tai nạn. Cháu không thấy ông đi khập khiễng à?

— Có ạ — tôi đáp khẽ rồi nhìn xuống chân ông. — Ông bị ngã à?

— Ngã trên biển thì không có gì đáng sợ, biển êm ấm, mềm mại lắm, cháu ạ! — Ông Sung nói rồi chỉ ra khơi, chỗ có mấy chấm đen nhấp nhô trên sóng: — Đấy là người đi cà kheo đánh cá, gọi là đi te sào. Lần ấy, ông đang đi te sào thì bị một con cá đuối lao vào giữa gan bàn chân. Đau quá, ông không chịu nổi, ngã lăn ra trên biển và ngất đi. Giá lúc ấy mà chỉ có một mình ông thì ông đành chịu chết làm mồi cho cá mập. May sao, lại có hai người đang đi kheo ở gần, họ đỡ ông dậy và dìu ông về. Kể ra nếu chỉ bị thương nhẹ thôi thì chữa chạy cũng có thể khỏi, nhưng cái nhớt cá đuối độc lắm, làm thối thịt, thế là ông phải khoét cả gan

bàn chân, hàng năm trời không khỏi. Từ sau ngày đó, ông không đi biển được nữa. Ông chuyển sang nghề làm muối. Thế đấy, cháu ạ!

Ông Sung đứng yên nhìn biển. Tôi bỗng thấy buồn và thương ông quá, không nén nổi tiếng thở dài.

— Cháu nghĩ gì thế? — ông hỏi.

— Cháu nghĩ biển giàu và đẹp nhưng cũng đáng sợ, ông nhỉ.

— Biển chỉ đáng sợ khi có bão thôi. Ngày nay đã có những tàu đánh cá lớn chứ đi đánh cá bằng thuyền mà gặp bão thì dễ bị đắm lắm. Đi thuyền có bão là bị lật úp, nhưng đi mảng thì bão không thể lật được.

— Sao lại thế hả ông?

— Đi mảng, khi gặp bão người ta chỉ việc cắt đứt những sợi dây buộc các cây vầu ra, mỗi cây vầu trở thành một cái phao giúp người ta vào bờ. Còn đi thuyền mà gặp bão thì không biết bấu víu vào đâu.

Thủy triều bắt đầu lên, nước dâng cao. Những con cá nhỏ đuổi theo sóng, dầm mình vào trong cát. Sóng rút ra rồi lại tràn lên. Cá đón sóng, bơi ra xa. Ở một vũng nước, trên một hõm cát nhỏ có cái gì hơi động đậy, phập phồng. Ông Sung bảo tôi:

— Con mực đấy, cháu lại mà bắt!

Tôi chạy lại, nhặt lên một con mực tươi.

— Ta về thôi!

Ông Sung nói rồi quay về. Tôi đi theo ông.

Bóng chiều xám sẫm. Trên đồng muối, người đã vãn. Muối đã vun thành từng đống cao, chất đầy trên các xe. Ở một vài ruộng còn người thu muối muộn và đang xúc cát đổ chạt. Tiếng cát đổ, tiếng chân giẫm nghe bình bịch như tiếng giã gạo ở xa. Đến một con mương, ông Sung đang đi bỗng dừng lại, xắn quần, lội qua.

Tôi nhìn đôi chân nhuốm bùn của ông Sung và nhớ lại lần đầu gặp ông. Hôm ấy, tôi sợ ông nhưng bây giờ thì tôi cũng xắn quần lội theo ông. Ông Sung quay lại nhìn tôi :

— Cháu bắt chước ông để làm gì vậy?

Tôi không biết trả lời ra sao, chỉ cười.

— Cháu thấy bùn như thế nào? — ông Sung hỏi :

— Bùn nóng lắm ạ! — tôi đáp và ngây ra nhìn ông Sung. Những tia sáng lóe lên trong đầu tôi. Tôi hỏi : — Chiều nay ta kéo cờ gì cho ngày mai, hả ông?

— Cờ đen — ông Sung thản nhiên nói. — Ngày mai trời sẽ mưa.

«Ngộ nhỡ mai trời không mưa thì sao?» Tôi nghĩ, đầu óc chập chờn những dự đoán mơ hồ. Ông Sung không nói gì, lặng lẽ đi về nhà. Tôi đi theo ông.

Nhà ông ở cuối xóm, sát gần biển. Đó là một ngôi nhà rộng và thấp, có vườn bao bọc xung quanh. Trước cửa nhà có một cái hồ lớn, quang quẻ và trong veo. Bên bờ hồ có một cây si to. Cạnh cây si có một cái chuồng gà. Hai bên đầu hồi nhà là một cây cau và một cây dừa. Tôi nhận thấy mọi thứ trong nhà ông đều có một vẻ gì đặc biệt.

— Cháu ạ, sân nhà ông phải rộng và thoáng như thế này mới dễ nghe được tiếng sóng biển, mới nhìn được rõ trời mây. Cái hồ này nữa, cũng giúp ông nhiều lắm.

Trong nhà ông treo nhiều tờ giấy cứng to ghi những biểu đồ về mưa nắng. Trên bàn, cạnh đống sổ sách có một cái bình thủy tinh lớn. Trong bình có một con chạch chấu to bằng ngón tay đang lượn lờ.

Ông Sung chạy đến bên gốc cây si, cúi xuống xem đám rễ trắng toát. Bên cạnh, gà nháo nhác lên

chuồng. Có con đã lên, có con còn đứng thập thò ở cửa, con thì nhảy vào rồi lại nhao ra ngay.

— Sao gà lại nhốn nháo thế hả ông?

— Tại muỗi và mối đấy, cháu ạ! Cháu không nhìn thấy à?

Tôi ngây người khi nhìn thấy trong ánh sáng nhờ nhờ, mối và muỗi bay xôn xao như ong vỡ tổ. Ông Sung ra đứng bên bờ hồ nhìn cá ngoi lên, lặn xuống, nước sủi tăm.

— Tất cả những hiện tượng cháu nhìn thấy chiều hôm nay là báo trước trời sắp mưa. Ngày mai, trời sẽ mưa, cháu ạ!

— Thế trời nắng to cả ngày hay trời nắng yếu hoặc sáng nắng chiều mưa hay sáng mưa chiều nắng thì làm sao mà biết được, hả ông?

— Ngoài dự báo của thủy văn và khí tượng chung ra còn phải căn cứ vào nhiều cái khác. Con chạch chấu trong bình cũng góp phần vào công việc dự báo thời tiết đấy cháu ạ! Cả dơi, kiến, muỗi nữa... chúng không phải là hoàn toàn vô ích đâu nhé!

Rồi ông vỗ vai tôi:

— Thôi, hôm nay cháu biết như thế là nhiều rồi, biết nhiều quá thành cụ già mất đấy, cháu ạ!

Ở ngoài ngõ có mấy người đi vào, tôi nhìn thấy có cả anh Bình. Ông Sung bảo tôi:

— Hôm nay, tổ khí tượng nhân dân của ông phải họp để rút kinh nghiệm về việc dự báo thời tiết trong tuần vừa qua.

— Ông cho cháu ở lại nghe với, có được không ạ?

— Thôi cháu ạ, cháu nên về nhà xem có cần gì không, hôm khác ông nói chuyện cho mà nghe, nhé!

Tôi ngước nhìn ông. « Cần gì ông cứ bảo, cháu sẽ làm ngay! Cháu tuy không sống ở đây nhưng đây là quê hương cháu, cháu muốn làm một việc gì có ích trong mùa hè đặc biệt này » — tôi nghĩ nhưng không nói mà lẳng lặng ra về.

Dọc đường, tôi chợt nhớ đến mảnh vườn địa lý và các chòi khí tượng nhỏ bé của trường tôi ở Hà Nội. Tôi vội đi tìm các bạn, kể lại chuyện gặp ông Sung và nêu ý kiến:

— Chúng ta có thể làm một cái chòi để giúp ông Sung quan sát và dự báo thời tiết được không?

— Được quá! Hay đấy! Nhưng làm bằng cái gì?

Chúng tôi bàn bạc cho đến lúc trời gần tối, phải về nhà; vẫn chưa đi đến những quyết định cụ thể. Nhưng có điều tất cả đều thấy vui vẻ, thích thú hẳn lên.

5

Tôi vừa thức dậy đã nhìn thấy Trung đang ngồi bên cạnh. Tôi chưa kịp nói gì, Trung đã giục:

— Nhanh lên, ra biển chứ!

— Tập bơi à?

— Đi cào nghêu! Mày quên rồi à? Các bạn đang đợi đấy!

— Ờ nhỉ, chết thật! Đầu óc tao làm sao mà lú lẫn thế không biết nữa — tôi kêu lên, vội vã mặc áo, đóng cửa đi ra ngoài.

Hôm qua, tổ muối chúng tôi đã họp và tập trung tất cả quà định gửi cho các bạn thiếu nhi ở biên giới lại. Trên cái bàn rộng, nhìn sao ít ỏi: mấy bộ quần áo đã lem nhem nhựa cây và mực đồ, cái cặp sách đã sờn hoặc quai vừa khâu lại. Thước kẻ, bút chì, khăn mùi

soa thì mới nhưng chẳng đáng bao nhiêu. Trung xin được của mẹ cái túi ni lông, để cả vào. Trước đó, khi còn ở nhà, đứa nào cũng háo hức vì món quà của mình gửi đi cho bạn, nhưng đến lúc này, gom cả lại mới thấy nó bé nhỏ thế nào ấy!

— Giá có ít khăn mặt hoặc dép thì tốt quá! — mấy đứa con gái nói.

— Cặp sách, bút máy là hay nhất!

— Ngoài bách hóa đang bán mũ đẹp lắm!

Mỗi đứa một lời bàn tính. Rồi ngồi thừ, tất cả lặng yên. Những thứ đó thì hay quá rồi, nhưng làm sao có tiền để mua bây giờ? Một đứa nêu ý kiến là xin tiền bố mẹ, liền bị gạt ngay. Chúng tôi muốn tự tay gửi đi những gì của chính mình chứ không phải là đi xin người khác. Nhưng chúng tôi làm gì có tiền. Ngay việc chúng tôi bàn nhau làm một cái chòi khí tượng để giúp ông Sung trong việc dự báo thời tiết mà cũng chưa thực hiện được nữa là.

— Chúng mày ơi, hay là ra biển kiếm các thứ rồi đem bán lấy tiền.

Tôi nói nhỏ, sợ cũng bị phản ứng như ý kiến về xin tiền cha mẹ vậy. Không ngờ chúng nó reo:

— A! Ý kiến hay! Hay lắm!

— Nhưng đánh cá, câu tôm hay mò cua?

— Gì cũng được, miễn là kiếm ra tiền.

Chúng tôi bàn bạc, cãi nhau mất một lúc lâu rồi cũng đi đến nhất trí...

Thoáng cái, chúng tôi đã ra đến bãi biển. Hôm nay trời không nắng. Mặt trời đi trốn sau những đám mây xám, chẳng hé rạ một tia nắng nhỏ nào. Nước biển sẫm, phía xa trời và biển như nối liền với nhau. Sóng đánh vào bờ ồn ào, trắng xóa.

Chính và Hồng đang ở trên bãi biển. Tay mỗi đứa cầm một cái cào, cán bằng tre có buộc vòng sắt phía dưới. Cái vòng sắt giống như một lưỡi liềm nhỏ bé vòng lại. Tựa cán cào lên vai, chúng áp má vào cán, miết cào rồi giật lùi về phía sau. Trên nền cát mịn, lộ ra những vết xước chạy dài. Mỗi đứa có một túi lưới nhỏ tết bằng dây gai đeo ở giữa cán cào. Trong túi của Hồng, tôi nhìn thấy hai con nghêu màu trắng đục có vân nâu rất đẹp.

Thấy Trung và tôi đến, Chính chạy lại chỗ mấy cái mảng phơi trên cát, lấy xuống hai cái cào đưa cho chúng tôi.

— Của cậu đấy à? — Trung hỏi.

— Tớ vừa đi mượn! — Chính đáp.

Tôi chợt thấy cái túi lưới của Chính rỗng không. Nó đi mượn cào cho chúng tôi nên chưa được con nghêu nào.

«Tôi sẽ bù cho bạn» — tôi nghĩ thế và cầm lấy cào, bắt chước dũi miết vào trong cát rồi giật lùi lại phía sau.

— Phải để ý hai tay và tai! — Trung bảo tôi.

Tai tôi áp lên cán cào, tay tôi giữ chặt lấy, nhưng chỉ nghe thấy tiếng cát ướt bị mảnh sắt cắt ra sào sạo mà thôi.

Chính đang cào bên cạnh tôi bỗng cúi xuống, lấy tay moi cát và lôi lên một con nghêu to, dẹt, màu nâu viền trắng. Liền sau đó nó lại móc lên một con nữa, con này màu hồng nhạt.

— Hay là cái cào của tớ bị hỏng? — tôi hỏi rồi đưa mắt nhìn hai con nghêu ở túi Chính. Chính thò tay lấy ở túi nó một con nghêu, bỏ vào túi tôi.

— Đừng làm thế, tớ không thích đâu! — tôi cầm con nghêu bỏ lại vào túi Chính rồi vác cào chạy ra chỗ khác, tiếp tục dũi.

Chỗ này bãi cát còn rất mới, chưa hề có vết chân người. Những gân sóng gợn lên mịn màng như vẽ. Tôi miết người lên cán cào rồi đi giật lùi về phía sau, gió chạy qua hai má và cổ tôi mát rượi. Sóng rào rào vỗ lên bãi cát.

Bỗng «kịch»! Một tiếng động nhỏ nghe đùng đục ở dưới cát vọng lên tai tôi. Tôi dừng lại, kéo cào lên, cúi xuống bới chỗ cát vừa có tiếng «kịch». Rất dễ dàng, tôi lôi lên một con nghêu trắng có những vân nâu phơn phớt tím. Tôi muốn chạy khoe ngay với các bạn con nghêu của tôi. Con nghêu xinh đẹp, tươi tắn còn dính vài hột cát trên vỏ.

Tôi nhìn quanh. Chẳng thấy đứa bạn nào ở kề bên cạnh và tất nhiên cũng chẳng có ai để ý đến niềm vui và con nghêu đẹp đẽ của tôi. Đứa nào cũng chỉ chú ý vào cái cán cào của nó. Và, trong các túi lưới không phải chỉ có một con nghêu mà có những ba bốn con. Như vậy là việc tôi mới bắt được một con nghêu đâu phải đã là «chiến công» hiển hách gì! Nhưng đối với tôi, đây là con nghêu đầu tiên tôi bắt được. Điều đó cũng đáng vui lắm chứ!

Tôi xuống nước rửa, ngắm nghía mãi rồi mới bỏ con nghêu vào túi lưới. Xong, tôi lại hăm hở kéo. Hình như vận đỏ đến, thỉnh thoảng tôi lại nghe trong cát có tiếng «kịch» và chỉ một loáng sau tôi lại moi lên một con nghêu nặng. Nhưng có lúc thật là xúi quẩy: tôi hồi hộp, hối hả moi lên một hòn đá, một mảnh vỏ trai, có khi chỉ là một cái mai mực hay là một cái xác cua chết.

Tuy vậy, tôi không nản. Tôi làm chăm chỉ, cố gắng. Nhưng khi tập trung lại, túi lưới của tôi vẫn ít hơn của Trung, Hồng, nhất là của Chính. Chính được nhiều nhất : những hai mươi nhăm con.

Chúng tôi trèo lên mảng, đổ nghêu vào một góc. Vừa lúc ấy Vinh, Đủ cùng một đứa nữa chạy đến. Đứa này cao, gầy, có cái mũi thẳng, thoáng nhìn đã thấy tinh nhanh. Mỗi đứa cầm một cái xẻng nhỏ, vai đeo một ống bương dài tròng rất lạ.

— Các cậu ấy làm gì thế ? — tôi hỏi Trung.

— Đi đào lốc khốc ! — Trung đáp rồi quay sang hỏi Vinh : — Có được nhiều không ?

— Nhiều ! — Vinh đến bên chúng tôi, vứt cái xẻng xuống cát.

— Lốc khốc là cái gì ? — tôi lại hỏi.

— Nó đấy !

Vinh mở cái nút đậy ống bương, đổ ra một con vật lạ. Vừa thoát khỏi miệng ống, nó đã giơ tám cái chân nghều ngào bò thẳng lại phía chúng tôi và nhìn tôi bằng đôi mắt rất sáng. Thoạt trông, nó hơi giống con ghẹ nhưng màu mai sặc sỡ, xù xì hơn. Tám cái chân dài màu xám làm cho nó giống con nhện lớn. Nó bò rất nhanh và để lại trên cát những vết chân nghều ngào. Trung vội vã chạy theo, chụp tay lên mai nó. Chỉ một tí nữa là nó chui vào trong hốc cát mất. Trung bỏ nó vào ống, đậy chặt nút lại.

Chúng tôi trèo lên mảng. Chính gom tất cả nghêu vào một góc. Trung cộng các con lốc khốc của ba cái ống lại rồi nói :

— Bây giờ còn một việc nữa. Việc này khó, tớ xin nói trước, tớ chịu ! Đó là đem các con này ra chợ bán.

Đúng là một việc khó thật, tôi cũng chịu. Đủ và Vinh cũng lắc đầu. Chỉ có cậu bạn tôi mới gặp là ngồi im.

— Thế nào, Thịnh! Cậu đi bán nhé?

— Sao lại bảo tớ đi làm việc đó? Tớ mà đem bán thì thà đem cho còn hơn.

— Thế thì ai làm?

— Chính và Hồng! — tôi nói và cảm thấy không phân công cho ai hợp hơn.

— Ừ nhỉ, Chính với Hồng nhé! — Trung reo lên.

— Nhưng biết bán bao nhiêu tiền? — Chính lộ vẻ băn khoăn, lo lắng.

— Liệu mà bán, tùy theo giá chợ, được bao nhiêu thì được. Tớ sẽ đi với đằng ấy — Hồng nói.

Thế là việc đã xong, chúng tôi dồn nghêu vào một cái túi, đưa cả ba cái ống đựng lốc khốc cho Chính và Hồng.

— Đi tắm biển đi! — Trung kêu lên.

— Ờ, đi! — Vinh hưởng ứng ngay.

Tôi hơi ngại: sóng buổi sáng nay như lớn hơn sóng buổi sáng hôm nọ, nhưng ra biển mà không xuống tắm thì cũng chán! Thế là chúng tôi lao ào xuống nước.

— Thằng Đủ đâu rồi? — tôi hỏi và nhìn quanh.

Đủ đã đến gần bờ đê, chẳng nói với tôi một lời nào.

— Đủ ơi! — Trung gọi với theo.

Đủ quay lại nhưng nó chỉ đứng trên bờ nhìn theo chúng tôi bơi lội chứ không chịu xuống nước.

Chính và Hồng thì bận bịu với công việc mà chúng tôi giao cho. Hai đứa lội xuống biển rửa rất kỹ những con nghêu rồi đeo những cái ống đựng lốc khốc lên vai, đi về làng. Những cái cào còn để lại trên cát, đấy là việc của chúng tôi sau khi tắm.

*
**

Trời mát dịu. Tôi về nhà, lòng vui vẻ vì công việc vừa làm xong. Bác gái và chị Hà đã đi ra biển lấy cát để tôn cao mặt ruộng. Đó là công việc làm muối trong những ngày không có nắng. Ở nhà chỉ còn có bác trai và mâm cơm để phần tôi. Tôi ăn rất nhanh để còn đi ra chợ tìm Chính và Hồng.

— Cháu đi chơi đâu mà bây giờ mới về ăn cơm? — bác tôi hỏi rồi nhìn mái tóc ướt của tôi.

— Cháu đi cào nghêu, xong cháu tắm! Cháu đã xin phép bác gái rồi mới đi ạ! — tôi đáp.

— Thế nghêu đâu? — bác tôi lại hỏi.

— Cháu đưa cho các bạn rồi! Để đem bán lấy tiền mua quà tặng các bạn ở biên giới, bác ạ!

— A! Thế thì tốt! Cào được mấy con?

— Cháu được mười sáu con.

— Khá nhỉ. Thế còn những bạn khác?

— Đứa nào cũng hơn cháu cả! — tôi nói không chút ngượng nghịu, giấu giếm. — Có đứa được hai mươi nhăm con, bác ạ!

— Bác cũng có mấy con ở dưới bếp, cho mày đấy!

— Bác cũng đi cào nghêu à? — tôi ngạc nhiên hỏi.

— Đêm qua gió to, cát lấp cửa cống, sáng nay bác ra khơi cống, bác nhặt được.

Tôi chạy xuống bếp thấy bốn con nghêu để trong cái rổ, thật là «chúa». Như thế là tôi có hai mươi con, chẳng kém các bạn là bao nhiêu!

Tôi cầm bốn con nghêu chạy nhanh ra ngõ. Tôi tìm Chính để nhập thêm mấy con này bán luôn chiều nay. Nhưng Chính không có nhà, Mẹ và chị nó cũng đi vắng, chỉ có một mình ông nó đang vá lưới trên sân. Ông cụ nhìn mấy con nghêu trên tay tôi. Hình như ông hiểu tôi mang chúng đến đây làm gì, ông chỉ tay ra ngõ:

— Cháu phải đi ra chợ, đi tắt lối này cho nhanh. Cái Chính nó đang ở ngoài chợ ấy!

Tôi chào ông cụ rồi vội vã chạy đi.

Chợ làng biển họp trên một bãi cát trồng phi lao. Người ngồi như đan dưới những gốc cây. Tiếng cười nói hòa lẫn tiếng phi lao reo, tiếng sóng biển rì rầm.

Tôi len lỏi qua những dãy hàng tôm cá. Tôi chưa tìm được Chính và Hồng ngồi ở chỗ nào thì trông thấy Trung, tay xách một xâu cá nhỏ.

— Cậu câu ở đâu đấy?

— Tớ đặt cái lưới ở cống nước mặn.

Hai đứa chúng tôi tản ra hai phía để tìm Chính và Hồng. Chỉ một lát sau, tôi đã tìm thấy chúng nó, không phải ở chỗ bán tôm cá mà trong cửa hàng bách hóa trước chợ. Hai đứa đang say mê nhìn những hộp bóng, lưới và bộ ra-két. Trung đập tay lên vai Chính. Chính quay lại, cười:

— Bán hết rồi!

— Được bao nhiêu?

— Mười đồng ba hào...

— Có thế thôi à?

— Chúng mình mua được gì bằng số tiền này? — Hồng và Chính cùng hỏi.

Chúng tôi đứng tụm lại dưới một gốc phi lao, bàn bạc. Con trai thì thích mua những thứ cho con trai: lưới, bóng bàn, cầu lông. Con gái lại thích túi xách, guốc, dép, đồ chơi, cặp tóc.

— Thứ gì cũng cần, vì bọn Trung Quốc đi đến đâu là tàn phá, cướp bóc tất cả. Các bạn ấy thiếu thốn nhiều lắm, mà tiền chúng mình chỉ có mấy đồng, biết mua cái gì được? — tôi nói.

— Không sao, chúng ta sẽ tiếp tục làm thêm! — Trung khoát tay. — Đây mới là lần đầu.

— Ử, chúng mình sẽ làm nữa! Biển còn đó! — Vinh nói tiếp theo.

*
* *

Một buổi tối, dưới ánh đèn bão, trong gió biển mát rượi sau cơn dông buổi chiều, chúng tôi ngồi vây quanh những món quà sắp gửi đi. Sách vở, mũ, áo mưa, quần áo đã mặc và quần áo chưa mặc, ít đồ chơi nho nhỏ, tất cả được gói thành một gói lớn.

Việc cuối cùng nêu ra để bàn là: ngoài gói đồ ấy nên đề chữ gì cho hay? Có ý kiến cho rằng cái gì của ai thì đề tên và địa chỉ của người đó. Có đứa phản đối, bảo là không cần thiết, chỉ cần đề một tên chung thôi.

— Cứ đề «Quà tặng của biển» là hay nhất — Vinh nói.

Nhiều đứa nói rằng đề như thế còn chung chung, không rõ ràng: biển là biển nào, Việt Nam có hơn ba nghìn cây số bờ biển... Cuối cùng tất cả nhất trí ghi một tên chung ở bên ngoài: «Đội viên thiếu niên tiền phong xóm Muối, hợp tác xã Tiến Lên».

Dòng chữ ấy do Đủ viết. Tôi không ngờ chữ Đủ lại đẹp đến thế: những nét tròn, đều, nắn nót, mềm mại.

Trước khi viết, Đủ còn mở cái gói ra, xếp mảnh vải trắng — cái áo chưa may của nó — vào giữa, bảo là để nếu chẳng may tờ giấy bọc ngoài có rách thì miếng vải đến tay các bạn ở biên giới cũng không bị bẩn.

— Mày nên đi theo gói đồ này để xem bạn nào nhận lược miếng vải của mày, nhớ dặn nó mặc cẩn thận, giữ gìn khỏi bẩn — Vinh bảo Đủ.

Chúng tôi cười ầm lên.

6

Vinh đang ở nhà Truyền thống. Nó chăm chú đọc một quyển sổ, thỉnh thoảng lại cúi xuống ghi mấy chữ vào cuốn sổ con. Nghe gọi, nó chạy ra. Tôi hỏi nó đọc gì.

— Tớ đang xem quyển lịch sử làng ta. Cậu có biết vụ Xuân Hà — Tang Điền năm 1947 chứ?

— Có... — tôi đáp và lờ mờ nhớ lại câu chuyện có lần đã nghe bác trai nói.

Nhà Truyền thống trước đây là kho muối, nay đã chữa lại, vừa rộng vừa cao. Trong nhà bày nhiều vật kỷ niệm của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, từ hũ gạo nuôi quân đến cái nồi đồng đã sứt quai nấu cơm cho bộ đội, những cuộn dây thừng và những tấm lưới rách của dân chài, ít mảnh máy bay Mỹ...

Trên một cái bàn vuông có lát kính, tôi nhìn thấy một tờ giấy ghi số muối làm được qua mỗi năm theo mũi tên đỏ chỉ lên, càng ngày càng cao. Quyển sổ Vinh đang đọc bìa màu đỏ. Những dòng chữ nắn nót ghi trên trang giấy trắng tinh:

Vì sao diêm dân cực khổ?

Tất cả những ruộng cát, ô nề, thống chạt, nước biển, đều nằm trong tay bọn địa chủ muối và thực dân Pháp.

Chúng xây bốt trên đê đề canh giữ từng cân muối.

Buổi sáng, từ mờ đất, diêm dân đã phải ra đồng làm cho đến tối mịt, vun muối xong, đội về đồ kho cho chúng rồi mới được nhận tiền công ra về.

Hàng ngày, bọn chủ muối làng vảng ở ngoài đồng đứng canh dân làm; ai lơ là, mệt mỏi hay say nắng là chúng đánh. Có người chết gục ngay trên đồng muối hay trong kho muối.

Diêm dân như những con dã tràng, sống trong những túp lều tranh nhỏ bé, xiêu vẹo. Cả xóm lều không có một gian nhà gạch.

Một năm có hai vụ muối: muối chiêm và muối mùa.

Tháng bảy, mưa xuống, địa chủ bắt dập nề, không cho làm muối, không phát tiền gạo. Diêm dân bỏ làng đi làm thuê làm mướn các nơi để kiếm ăn, chờ đến mùa nắng trở về. Có những người phiêu bạt vào tận Nam Kỳ làm cao su...

Nhiều người không chịu được cực khổ nhưng không bỏ làng ra đi, họ nổi lên chống lại bọn chủ muối và thực dân Pháp, góp phần cùng cả nước làm Cách mạng tháng Tám thành công...

«Những điều này mình đã biết rồi» — tôi nghĩ thế và ngạc nhiên khi thấy Vinh cầm quyển sổ, tiếp tục đọc. Tôi ở đâu về, không biết phải đọc đã đành, còn Vinh thì sinh sống ở đây, những chuyện ấy nhẽ ra nó phải biết hết, việc gì phải đọc nữa. Nhưng nó lại đọc một cách chăm chú và ghi chép cẩn thận mới lạ chứ! Nó định làm gì vậy?

— Vinh này — tôi gọi.

Vinh ngẩng lên.

— Tớ có cây tre! — tôi nói.

— Thế à? Ở đâu thế? — Vinh nói như reo.

— Bác tớ cho tớ... — tôi đáp, mặt ngớ ra vì chợt nhớ chúng tôi đã giao ước là không cho người lớn biết chuyện này. Quả nhiên, Vinh hỏi ngay:

— Cậu nói cho bác cậu biết rồi à?

– Không! – tôi lúng túng chối.

May sao, Vinh không hỏi thêm mà chạy ra xem cây rồi bảo tôi:

– Chúng mình học nhóm nhé!

– Ừ nhỉ. Tớ quên khuấy mất không đem sách, đợi một tí nhé!

Tôi chạy về nhà, lấy cặp sách mang đến.

Nhưng khi bắt đầu vào học thì đầu óc Vinh lại nghĩ tận đâu đâu, có lúc nó hỏi lại tôi khi tôi vừa hỏi nó xong.

– Thôi, về nghỉ, mai học vậy!

Vinh bỗng ngáp, gấp sách lại rồi đứng lên. Có lẽ nó không thích học với tôi, thế thì tôi cũng chẳng cần học với nó. Tôi bỏ sách vào cặp rồi lặng lẽ ra về. Gần tới nhà, tôi gặp Đủ. Thấy tôi lờ phờ, Đủ quấn lấy hỏi han rồi bảo:

– Hay tớ với cậu học chung đi!

– Còn thằng Vinh?

– Kệ nó! Cậu đến nhà tớ học. Nhà tớ vừa mát, vừa yên, bố tớ sẽ pha nước chanh cho chúng mình uống.

Tôi chả phải là đứa thích uống nước chanh, nhà tôi cũng mát và yên tĩnh, nhưng vì bực mình với cái tính lừng lơ của thằng Vinh nên tôi bằng lòng ngay.

Sáng hôm sau, tôi đến nhà Đủ để học. Đủ đứng đón tôi ở ngõ và dẫn tôi lên «chuồng bồ câu» của nó.

– Góc học tập của tớ đấy!

Đủ hớn hở giới thiệu và chỉ tay vào góc nhà bên cửa sổ. Mắt tôi hoa lên vì màu sắc rực rỡ của các loại tranh ảnh treo la liệt trên tường và các thứ đồ chơi bày trên cái bàn khá rộng: máy bay phản lực bằng nhôm, hoa

ni lông cắm vào lọ để trên bàn cạnh một bể cá vàng có một dãy núi giả đầy rêu. Hai con cá đuổi nhau quanh hòn núi ấy.

Tôi bỗng nhớ ngày còn học cấp một, tôi xin mẹ một quyển họa báo có nhiều tranh ảnh đem cắt dán lên tường chung quanh chỗ ngồi học. Cô giáo Dung chủ nhiệm lớp tôi đến chơi, bảo: «Nếu đây là chỗ để em ngồi chơi, em dán thế này cũng được, nhưng đây là chỗ ngồi học thì không nên vì nó làm em không tập trung vào bài học». Cô Dung về, tôi dọn dẹp lại ngay. Tôi muốn kể lại chuyện đó cho Đủ nghe nhưng thấy Đủ có vẻ thích thú nên tôi đâm ngần ngại, nhất là mỗi khi tôi vừa cầm cái gì lên xem thì Đủ lại vội vàng đỡ lấy để vào chỗ cũ.

— Tuấn ạ, tớ chưa làm xong những bài toán của chương đường thẳng song song. Tớ chúa ghét cái chương ấy! Hay là ta chia ra làm đôi, mỗi đứa làm một nửa. Làm xong, đứa nọ chép của đứa kia — Đủ bảo tôi.

— Những bài tập ấy tớ làm xong rồi! — tôi đáp.

— Thế cậu đưa cho tớ bản nháp của cậu. Tớ chép nhanh lắm! — Đủ nói một cách đơn giản.

— Trong lúc cậu chép thì tớ làm gì?

— Cậu xem sách, đi chơi hay xuống nhà đánh cờ với ông tớ! — Đủ mở ngăn kéo lấy ra một hộp quân cờ đen bóng, đưa cho tôi.

— Tớ không biết đánh cờ! — tôi từ chối.

— Hay là chơi cá ngựa vậy.

— Chơi với ai?

— Chơi với ông tớ! — Đủ đưa bàn cá ngựa và hai con súc sắc bằng sừng cho tôi. Thấy tôi lộ vẻ không bằng lòng, nó liền cất đi và bảo: — Hay là cậu cứ để vở bài làm ở đây, tớ chép sau vậy, còn bây giờ chúng mình học chung bài mới!

«Dù sao thằng Đủ cũng thực thà, dễ chịu» — tôi nghĩ và giở sách ra học. Nhưng học với Đủ, tôi rất ngán vì nó đã học kém lại cũng không tập trung vào việc học.

— Cậu ạ! — nó gọi tôi, nét mặt lộ vẻ quan trọng. — Bố tớ đã hỏi xem năm tới ai sẽ là chủ nhiệm của lớp tớ rồi!

— Ai thế?

— Cô Hiền, người trên huyện. Cô dạy toán, tính rất hiền lành, chồng đi bộ đội, có hai con còn bé.

— Thôi, học đi! — tôi giục và hai đứa bắt đầu ôn bài. Nhưng Đủ cứ nhấp nhổm không yên, thỉnh thoảng nó lại đứng lên, nhìn xuống dưới nhà.

— Cậu đợi ai thế?

— Bố tớ!...

Tôi chợt nhớ lại câu chuyện bác tôi kể. Bác tôi bảo Đủ là con trai duy nhất của ông Định. Bố mẹ ông Định cũng chỉ có một mình ông là con trai, vì vậy nên Đủ được cả nhà, cả họ yêu chiều, quý mến. Mới đẻ ra, Đủ đã được ông bà mời thầy tướng về xem. Số tử vi của Đủ nói mọi điều đều tốt, nếu gia đình cố gắng nuôi nấng, sau này bố mẹ sẽ được nhờ. Chỉ có một điều cần lưu ý giữ gìn là số Đủ kỵ nước, dễ chết đuối, mà làng ông Định lại là vùng biển, nước mênh mông như trời. Thế là ông Định vội vàng đưa con lên tỉnh. Năm ngoái, ông Định đến tuổi về hưu. Ông đưa Đủ về sống ở làng quê. Ông làm căn gác nhỏ này dành riêng cho Đủ ngồi học và ngồi chơi.

Có tiếng chân bước lên cầu thang.

— Bố tớ đấy! — Đủ nói rồi ngồi ngay ngắn, mở sách ra học.

Ông Định bước vào, tay ôm một quả dưa ếch chín vàng. Ông trố mắt ngạc nhiên khi nhìn thấy tôi. Đủ vội vã đứng lên, giới thiệu:

— Bạn Tuấn ở trên Hà Nội về đây nghỉ hè đến học với con đấy, bố ạ!

— Tuấn là cháu ông Tự thủ cống phải không? — ông Định hỏi.

Lại đến lượt tôi trố mắt:

— Thủ cống là gì ạ? Bác Tự cháu là thủ cống ạ?

— Thủ cống là người trông nom việc đưa nước biển vào mương để làm muối. Đó là công việc rất quan trọng. À thôi, để cháu về hỏi chuyện bác cháu thì rõ hơn. Bây giờ ăn dưa đi đã! — ông Định cắt một miếng dưa đặt vào tay tôi.

Đủ ngụp mặt vào miếng dưa, ăn tới tấp. Một hạt dưa dính vào mũi nó. Nó cười với tôi rồi quay sang phía bố:

— Bố cho con xin cây tre và miếng ván để trong bếp nhé?

— Để làm gì thế, anh cu?

— Để con làm dụng cụ học tập ạ!

— Nếu cần để học tập thì con cứ lấy đi! — ông Định nói.

Đợi lúc ông Định đi xuống dưới nhà, tôi nói cho Đủ nghe ý định của chúng tôi: sẽ dạy Đủ tập bơi; khi nào Đủ biết bơi rồi mới báo cho ông Định biết. Đủ tái mặt, lặng thinh không nói gì.

— Sao vậy? — tôi hỏi nó.

— Tớ vẫn sợ xuống nước, chưa thể làm như thế được đâu. Với lại nếu bố tớ biết, bố tớ sẽ cấm không cho tớ đi ra khỏi nhà trừ lúc đi học như ngày mới về làng thì gay go quá.

— Mọi việc đều phải giữ bí mật chứ!

Đủ ngồi ngây thuỗn ra. Nó có vẻ lo âu và nghĩ ngợi. Tôi bật cười.

7

Tôi gặp Thịnh ở giữa đường, dưới gốc một cây phi lao to. Cao gầy, đôi mắt nhấp nháy, Thịnh nhìn tôi, cười:

— Tớ đem đến cho cậu xem cái này.

Tôi nhìn quanh, hơi ngạc nhiên vì không thấy Thịnh đem theo cái gì cả.

— Cái gì đâu?

Thịnh thò tay vào túi quần, rút ra một tờ giấy gập tư đưa cho tôi.

Tôi sửng sốt: một cái chòi — cái chúng tôi định làm nhưng chưa hình dung được cụ thể nó thế nào — hiện lên trên trang giấy. Cao nhỏ, vững chãi, những cái cột dựng một hình ống thẳng lên trời. Những bậc thang nho nhỏ dẫn lên cao. Một mái nhà con có cửa quay nhìn ra bốn phía, trên nóc gắn một cái chong chóng lớn để xem chiều gió và một nửa vòng cung ghi số chỉ tốc độ gió.

— Cậu thấy thế nào? Đây mới chỉ là bản vẽ phác chứ chưa tính toán cụ thể — Thịnh nói rồi băn khoăn nhìn tôi, tay vò vò cái mũ mềm.

— Làm được như thế này thì tuyệt quá nhưng...

— Nhưng sao?

— Lấy gỗ làm cột ở đâu?

— Ồ, cái ấy không khó, cậu đi theo tớ.

Thịnh ôm vai tôi kéo vào trong làng.

— Ông tớ làm ở đội trồng cây trong xóm Lúa. Xóm này trồng rau, cấy lúa chứ không làm muối như xóm mình. Ông tớ là đội trưởng. Vườn của ông tớ có nhiều cây to lắm, tớ sẽ dẫn cậu đến xin gỗ về làm cột chòi. Tớ đã ướm trước rồi, ông tớ hứa cho mà!

Tôi đi theo Thịnh. Từ xa tôi đã nhìn thấy vườn cây xanh um của các cụ già. Những cây xoan, bạch đàn, xà cừ bao quanh vườn cao vút.

Thịnh đi vòng quanh mấy gốc cây. Thoáng thấy bóng người, Thịnh gọi khẽ:

— Ông ơi !

— Ai đấy ? — có tiếng hỏi vọng ra. — Vào đây !

Thịnh chạy nhanh vào. Tôi theo sau nó. Ông của Thịnh người cao gầy, nét mặt hiền khô. Ông cười với tôi rồi nắm vai Thịnh, kéo lại gần :

— Việc của các cháu làm kể cũng hay nhưng đã làm phải đến nơi đến chốn chứ không được đánh trống bỏ dùi. Ông sẽ cho các cháu một cây xoan to của riêng ông trồng.

Ông cụ lấy nước hạt muồng cho chúng tôi uống rồi dẫn ra vườn chỉ cây xoan của ông và bảo :

— Bây giờ đẵn chứ ?

Tôi nhìn những vòm lá xanh dày của cây xoan mà thấy tiếc :

— Khi nào chúng cháu cần đến hẵng chặt, ông ạ.

Ông cụ như hiểu ý nghĩ của tôi. Ông nói ngay :

— Nếu cần, các cháu cứ chặt, chưa dùng đến ngay thì ta ném xuống ao ngâm. Các cháu nên chặt sớm để ông còn có đất trồng cây khác.

— Này, thế chúng mình sẽ dựng trạm ở đâu nhỉ ? — Thịnh hỏi.

— Ở biển, gió nhiều, bão nhỏ cũng đổ mất — tôi lo lắng nói.

— Cần phải xây bệ. Bệ bằng gạch và xi măng chứ không phải bằng đất. Gạch thì dễ thôi, nhưng còn xi măng, hơi khó đấy — ông của Thịnh nói.

— Tớ sẽ viết thư cho chú Sơn, bạn thân của bố tớ làm công nhân nhà máy xi măng Hải Phòng — tôi nói với Thịnh trên đường về.

Về đến nhà, tôi vội viết thư ngay. Lá thư khá dài vì ngoài chuyện quê hương, học hành, sản xuất, là chuyện về cái chòi sắp làm của chúng tôi : « *Cái chòi này bây giờ chỉ còn thiếu một ít xi măng thôi, chú ạ. Chú*

làm ơn mua giúp chúng cháu nhé. Chúng cháu sẽ xin gửi tiền lại chú sau. Chúng cháu rất cám ơn chú».

Lá thư được gửi đi ngay buổi chiều hôm đó.

— Nhưng không biết chú ấy làm thế nào gửi xi măng về tận đây được? — Trung băn khoăn hỏi.

— Chú ấy sẽ có cách! — tôi nói quả quyết và dán thêm một cái tem nữa lên phong bì rồi đề một chữ «gấp» to tướng ở dưới.

*
**

Khi tôi về đến nhà thì trời đã gần tối. Nghe bác trai tôi gọi, tôi chạy lại, đứng bên cạnh bác. Bác đưa cho tôi một cái càng cua luộc chín đỏ chói:

— Cháu ăn đi!

Tôi cắn vỡ càng cua, húp nước và xé thịt ăn. Thịt cua ngọt và trắng nõn. Bác gái tôi chiều bác trai tôi thế đấy! Cứ sau mỗi ngày đi làm về, bác trai tôi lại có một ít thức ăn riêng: khi thì con mực luộc, khi thì dăm con tôm, khi con cua, con ghẹ. Bác còn có bình rượu thuốc để trên nóc tủ, mỗi lần ăn, bác chỉ rót một chén rượu con nhấm nháp, gọi là «đưa cay». Những lúc ấy, bác hay nói chuyện và gian nhà trở nên ấm áp hẳn lên.

— Hôm ấy, ông nội này, bác này, chú Lâm này, ba bố con ba cái bị cói. Bà nội nắm cho mỗi người một nắm cơm và mấy con cá mắm nướng để đi ăn đường. Còn bà thì ở lại với cô Mai, lúc ấy cô Mai còn bé tí. Tiễn chồng và hai con đi, bà khóc như mưa. Mà trời cũng mưa, mưa tháng bảy sầm sập sùi sụt — bác tôi nói, đầu hơi lắc lư, đôi mắt trở nên xa xôi, buồn bã. — Cháu có biết tên xóm ta trước kia là gì không?

— Là xóm Lều, vì cả xóm toàn những túp lều, bác ạ! — tôi đáp.

Những chuyện ấy tôi đã nghe bố mẹ tôi nói, rồi về đây lại đọc trong nhà Truyền thống. Nhưng khi nghe bác tôi kể đến đoạn ông tôi chết vì tai nạn trong khi khuân vác ở Cảng Hải Phòng thì tôi không cầm được nước mắt. Rồi chuyện bà tôi ốm nặng ở quê, phải đem cô Mai cho nhà địa chủ. Bác tôi lại về quê làm muối rồi xây dựng gia đình. Chị Hải ra đời trong lúc bác gái tôi đi lấy cát ngoài bờ biển...

Mâm cơm đã dọn: canh rau lang nấu với ghẹ non giã nhỏ, tôm rang và một đĩa cà nén kỹ. Nồi cơm vừa chín tới, dẻo quánh.

Chị Hải bước vào với cái thư cầm trên tay:

— Thư của em Hoàng vừa đến chiều nay.

Căn nhà bỗng nhiên như đổi khác. Bác gái vặn to ngọn đèn, và mâm cơm đang ăn ngừng lại. Bác trai tôi mở bao lấy kính đeo. Nhìn qua những chữ ghi trên phong bì, bác đưa cái thư cho chị Hải:

— Con tinh mắt đọc luôn cho cả nhà nghe một thể!

Thầy mẹ và hai chị kính yêu,

Đã lâu, hôm nay con mới lại có dịp viết thư về thăm thầy mẹ và hai chị nhớ thương. Thư trước, con viết sau khi quân địch vừa rút khỏi biên giới nước ta, chắc ở nhà đã nhận được. Từ đó đến nay con vẫn khỏe và hàng ngày vẫn ở « chốt ». Con cũng đã nhận được thư của thầy mẹ và hai chị. Biết gia đình vẫn mạnh khỏe, hợp tác xã làm được nhiều muối, con rất mừng. Mỗi khi nhìn thấy hạt muối, con lại nhớ nhà, nhớ quê hương. Muối ở biên giới rất hiếm và quý lắm...

— Muối thì ở đâu mà chả quý?

Có tiếng nói và một người lạ bước vào nhà. Bác tôi reo lên:

— A! Bác Đại!

Bác tôi mời bác Đại cùng ăn cơm nhưng bác Đại từ chối, nói là đã ăn rồi. Chị Hà đi pha nước

mời khách. Cơm nước xong, tôi còn chưa biết làm gì thì bác Đại đã kéo tôi lại gần, hỏi:

— Cháu đã biết làm muối chưa?

— Cháu chỉ biết sơ sơ thôi ạ!

— Thế hai bác và các chị đã dẫn cháu đi thăm hết làng xóm đồng bãi chưa?

— Đang bận làm muối, chả dẫn cháu đi được đến đâu, cháu tự đi là chính, bác ạ! — bác trai tôi đáp.

— Con trai phải bạo dạn, xông pha — bác Đại nói rồi giơ tay xoa đầu tôi y như tôi còn là một đứa bé. Tôi muốn chuồi khỏi tay bác để chạy ra ngoài nhưng bác cứ giữ chặt tôi và còn thò một bàn tay cù cù vào nơi sườn tôi nữa.

— Thế hệ trẻ bây giờ chỉ lo học, lo làm, chứ đời chúng ta ngày xưa bằng ngần này tuổi đầu đã lo đi kiếm ăn trắng mắt, thật khổ sở trăm chiều! — bác lại nói và lấy thuốc hút.

— Mỗi lần nhắc lại chuyện xưa, tôi lại thương con cháu Hải vất vả từ tấm bé — bác gái tôi nói.

— Gian khổ nên người! Con cháu Hải giỏi lắm đấy. Tổ kỹ thuật của nó có nhiều thành tích cải tạo sân phơi cát và làm ô nề có độ hấp nhiệt cao, nổi tiếng trong cả huyện.

Tôi gỡ ra khỏi tay bác Đại, xuống bếp tìm chị Hải. Tôi kể lại cho chị những lời bác Đại khen chị rồi hỏi:

— Thế bác Đại có biết làm muối không?

— Bác Đại mà lại không biết làm muối! — chị Hải kêu lên nho nhỏ rồi nhìn xoáy vào mắt tôi. — Nếu em biết rõ bác ấy là ai em sẽ thích bác ấy lắm.

— ???

— Bác ấy là một trong hai người bị bọn phản động bắt trói ở đường thông trong vụ Xuân Hà — Tang Điền, được các em bé chăn trâu cứu thoát đấy!

— Thế ư chị? — tôi kêu lên rồi níu lấy tay chị. — Chị kể chuyện đó cho em nghe đi.

Chị Hải xoa đầu tôi rồi thủ thỉ:

«... Sau khi được các em nhỏ cứu thoát, anh thanh niên ấy đi kháng chiến.

Hòa bình lập lại, anh trở về quê hương. Anh đứng lặng trước những ruộng cát ngổn ngang, những kênh mương chưa cải tạo, những ô nề màu xám trắng nhiều vết rạn nứt, độ chênh không giống nhau. Anh thở dài: ruộng muối, ô nề như vậy thì làm sao có năng suất cao?

Muốn có nhiều muối, phải làm cho nước biển bốc hơi nhanh. Anh thí nghiệm và biết rằng ngoài việc làm thủy lợi tốt, vệ sinh sạch sẽ sân phơi cát và ô nề, thì màu của ô nề phải là màu sẫm — màu sẫm hấp nhiệt nhanh. Nhưng biết lấy gì để chuyển màu xám trắng của ô nề thành cái màu sẫm đó?

Anh đọc sách, anh lân la hỏi kinh nghiệm trong nhân dân rồi tìm tòi suy nghĩ...

Một hôm, trong khi đến thăm một người cô họ ở làng xa, vừa vào đến cổng anh đã đứng sững. Người nóng bừng, tim đập mạnh, anh kêu lên:

— A! Đây rồi!

Người cô ngạc nhiên hỏi:

— Cháu tìm thấy cái gì thế?

— Cháu tìm thấy cái sân của cô, cháu không ngờ lại thấy nó ở đây!

Người cô đứng ngây ra hết nhìn cháu lại nhìn cái sân nhỏ màu da chum bóng láng của mình.

— Cô ơi, cô hãy nói cho cháu biết cái sân của cô làm bằng những thứ gì? — anh hỏi.

— Cô không nhớ! Hồi ấy ông làm, mà ông đã mất từ lâu rồi!

— Thế thì cô cho cháu một mảnh sân vậy nhé?

— Một mảnh sân? Để làm gì thế hả cháu? — bà cô ngạc nhiên nhìn cháu.

— Để cháu về cháu xem...

Anh đào một mảnh sân, gói lại mang về nhà. Anh đập nhỏ mảnh sân đã chai cứng ra để nghiên cứu. Cuối cùng, anh đã tìm ra bí mật của màu da chum.

Kinh nghiệm được phổ biến rộng rãi. Các tổ kỹ thuật được thành lập, lấy tên là tổ « ô nề », chuyên đi sửa chữa ô nề cũ và làm thêm ô nề mới cho hợp tác xã. Màu da chum ấy đến nay, sau nhiều năm tôi luyện, là màu của những ô nề tốt nhất hiện nay. Tất nhiên bây giờ việc làm ô nề có độ hấp nhiệt cao rất đơn giản và ở đây ai cũng có thể làm được ».

— Chị ơi, chúng em đang định làm một việc nhưng không biết có làm được hay không vì khó quá — tôi nói với chị Hải khi chị ngừng lời.

— Em định làm việc gì thế?

Tôi giở bản vẽ của Thịnh ra đưa cho chị Hải xem và nói những ý định của chúng tôi cho chị nghe.

— Hiện giờ các em đã có những gì rồi?

— Mới có vài cây tre, một cây xoan và mấy mảnh gỗ, chúng em sợ làm không được — tôi ngập ngừng nói.

— Chưa làm mà đã nghĩ là không làm được thì cũng khó thành công, em ạ! Theo chị, các em cứ chuẩn bị và bàn thêm cho kỹ, cần gì chị sẽ báo cáo với chi đoàn giúp cho. Cứ bắt đầu đi!

« Cứ bắt đầu đi! » Tôi đứng lặng bên bếp lửa.

Bàn tay chị Hải chợt nắm lấy tay tôi. Trong bàn tay to chắc và hơi ram ráp ấy, tôi thấy như có bao nhiêu sức mạnh.

8

Xế chiều, ông Sung đưa cho tôi lá cờ hiệu màu đen, bảo đem treo lên cột. Cầm lá cờ, tôi đứng sững. Ông Sung cười, bảo tôi:

— Cháu cứ treo hộ ông đi! Ngày mai trời nhất định sẽ mưa mà.

Tôi cầm lá cờ chạy đi treo nhưng lòng thắc mắc, băn khoăn quá. Nhiều người nhìn lá cờ rồi lại nhìn tôi bằng đôi mắt nghi ngờ. Tôi chạy vội đi vì sợ người ta hỏi, không biết nói thế nào. Đêm ngủ, tôi cứ chập chờn lo lắng không biết ngày mai mưa hay nắng. Sáng dậy, tôi thấy bác gái lục cục chuẩn bị đồ dùng để đi làm như những ngày trời nắng nhưng bác trai thì lại đem cuốc xẻng ra chêm lại cán. Bác trai tôi tin ở lá cờ hiệu của ông Sung, còn bác gái thì không.

Trời hồng rực một màu cam chín. Bác gái tôi lẩm bẩm:

— Trời này hôm nay nắng to chứ mưa thế nào được? Nghe ông Sung không làm thì hôm nay mất bao nhiêu là muối!

— Cha chết không lo bằng đỏ lò đông bắc! — bác trai tôi thủng thỉnh nói, còn bác gái lặng lẽ vác xêu, bầu, trang đi ra ruộng làm.

Tôi theo bác gái ra đồng. Ngoài đồng lác đác người— đó là những người không tin vào cờ hiệu nên vẫn ra làm.

Nhìn nắng chan hòa trên những ô nề bỏ trống, những thống chạt dậy kín, tôi băn khoăn quá. Cánh đồng bỗng như rộng hẳn ra. Tôi chạy trên các bờ ruộng như chạy trong một giấc mơ.

— Ông Sung ơi, nắng to như thế này mà ông lại bảo là mưa à?

— Báo thời tiết sai mất rồi!

Có những tiếng nói, tiếng chép miệng tiếc rẻ; có người cứ đứng trên bờ ruộng réo gọi ông Sung. Tôi thấy tức bực thay cho ông Sung.

— Một năm ba trăm sáu mươi nhăm ngày, báo nhầm có một ngày thì đã sao? — tôi nói to. Tôi cảm thấy cần bênh vực ông Sung.

Mấy bà nghe tôi nói như vậy thì lườm tôi. Một người đàn ông nào đó giơ quả đấm về phía tôi. Tôi không nói gì, bỏ chạy tới cái chòi khí tượng của chúng tôi mới dựng xong mấy hôm nay. Những bậc thang nho nhỏ đưa tôi lên cao, tôi thấy không khí nhẹ nhàng thoáng đãng hơn. Gió thổi mạnh tung vạt áo như nâng tôi bay lên. Trời đất bồng bềnh. Tôi ngẩng nhìn mũi tên trắng chỉ vào vòng cung đo tốc độ gió. Gió đang mạnh, mũi tên chỉ chếch lên.

Từ trên cao, qua cánh cửa mở rộng, tôi nhìn ra bốn phía: làng xóm, những ngôi nhà ngói đỏ san sát như bát úp. Đồng muối, những ô nề loang loáng ướt, kênh mương lấp lánh... Tất cả, vừa mới hôm nào còn xa lạ đối với tôi, nay đã quen thuộc và thân thiết. Tôi nhận ra những ngôi nhà của các bạn tôi giữa những ngôi nhà khác. Kia là nhà Sơn, nhà Trung, nhà Chính, Hồng, Đủ. Tôi nhìn rõ cái gác nhỏ xinh — «chuồng bồ câu» của Đủ — giữa những vòm lá xanh. Và, kia những cánh đồng mà mồ hôi tôi đã đổ ra trên đó để làm ra những hạt muối trắng.

Tôi quay nhìn về phía biển. Một cụm mây đen to lớn đang dâng lên như một cái bếp khổng lồ của ai đang đun nấu ở dưới đáy biển. Mặt biển xanh biếc, những làn sóng lóe sáng như những tia chớp tung lên từ dưới đáy biển. Tôi nhớ lại những điều ông Sung đã nói cho tôi nghe về cách quan sát biển và đoán thời tiết.

— Sắp mưa rồi, mọi người ơi! — tôi kêu to rồi lao xuống khỏi cái chòi, chân nhảy hai bậc thang một.

Trên các ruộng có những người đang hí húi vãi cát, đổ nước chạt lên ô nề, nghe tiếng tôi kêu thì dừng lại ngẩng lên nhìn tôi rồi lại cúi xuống làm tiếp như thể tôi là một đứa trẻ hư la hét, nghịch ngợm vớ vẩn thôi.

Mặc! Tôi không dừng lại. Tôi cần phải chạy nhanh đi báo cho mọi người cùng biết. Tôi tung mình vào trong gió, người nhẹ bỗng như có đôi cánh chim lắp vào. Tôi nhìn thấy các bạn nhỏ đang văng cát, đổ nước chạt lên ô nề.

— Tại sao các bạn thấy cờ hiệu đen rồi mà còn làm?

Tôi chạy đến gần chúng nó, nói to nhưng không dừng lại. Tôi đi tìm ông Sung để nói với ông một câu: « Ông ơi, sao ông đoán thời tiết giỏi thế hả ông? Sáng nay, nhìn trời nắng, cháu cũng lo là ông đoán sai, ông ạ! »

Nhưng ông Sung không có nhà. Trong nhà ông chỉ có một bình nước và con chạch chấu đang nhào lộn ở trong như muốn tung mình ra đón mưa. Một lúc sau, trời mưa.

Tiếng mưa âm vang rộn rã. Gió quay cuồng chạy rông trên các cánh đồng trống. Hạt mưa nghiêng nghiêng. Những ô nề nổi bong bóng trắng. Mọi người tíu tít đi che đậy các kho muối, sân cát và khơi rãnh cho nước mưa ở trên chảy đi để giữ mặn.

Biển mù mịt, trắng xóa như một vũng gương. Chỉ nghe thấy tiếng biển réo gọi ầm ầm chứ không nhìn thấy sóng. Tôi nhìn ra ngoài trời và cảm thấy trong thiên nhiên chứa đựng biết bao nhiêu điều kỳ lạ, bí mật mà tôi còn chưa biết.

*
* *

Cuộc họp của đội thiếu niên xóm Muối tổ chức vào buổi chiều mưa tầm tã ấy.

— Hay quá, mưa thế mà không vắng mặt một bạn nào!

Đủ vui vẻ nói và chạy loăng quăng từ chỗ này qua chỗ khác. Trung điềm đạm hơn, nó nắn nót viết lên bảng đen những con số tấn muối của đội thiếu niên làm được trong tuần qua. Hồng, Chính và mấy bạn gái đang mê mải tìm những tên Trung Quốc xâm lược trốn trong vườn ở một bức tranh đố vui trên báo Thiếu niên tiền phong tuần này. Dưới bức tranh đề bảy tên nhưng mấy đứa tìm mãi vẫn chỉ thấy có sáu, vậy còn một thằng trốn đi đâu?

Vinh đang đọc sách, nghe bàn cãi, bỏ sách quay vào nhìn tờ báo, cái cằm nhọn của nó hươ ra và chỉ trong nháy mắt nó đã reo lên:

— A, đây rồi, thằng Trung Quốc này trốn kỹ quá, nó chui trong thùng phuy chỉ thò có một cái chân ra ngoài, cái chân lại phủ mấy cái lá!

Hồng và Chính bảo không phải. Vinh kéo tay tôi:

— Cậu nhìn xem, có phải thằng Trung Quốc đây không?

— Mặc kệ nó!—tôi gắt vì đang mải tô màu lên bức vẽ trạm khí tượng của Thịnh dán trên đầu tờ bích báo sẽ ra mắt mọi người vào ngày mai.

Cô giáo Hiền — chị phụ trách của chúng tôi — đến cùng với anh Bình. Mấy đứa đang đùa nhau ầm ĩ vội dừng lại. Cả bóng bàn và tú-lơ-khơ cũng cất đi. Cuộc họp của đội thiếu niên mà lại có chủ nhiệm hợp tác xã đến dự, hẳn phải là một cuộc họp quan trọng.

Anh Bình đi bộ đội cách đây đã hơn bảy năm. Đấy là những ngày giặc Mỹ điên cuồng đem bom giội xuống các thành phố, làng mạc và đồng muối. Chúng từ biển vào, đen trùi trũi như những con quạ. Đạn pháo bắn những ô nề vỡ nát. Bom đào hố sâu hoắm trên ruộng cát. Muối trắng nhuộm máu người. Những thanh niên hôm trước còn phơi muối, đẩy xe trên đồng, hôm sau

đã ba lô trên lưng, lên đường. Đám trẻ con theo người già vào sơ tán trong vùng lúa. Người lớn ở lại làng sản xuất. Hàng ngày, họ ra đồng làm cũng nguy hiểm dũng cảm như đi chiến đấu: súng trên vai, hầm hố ngay bên sân phơi muối. Đêm phòng không tối om, những ngọn đèn che kín. Màu trắng nhất là màu của muối. Người ở lại làm thay phần việc của những người ra đi.

Các anh đi rồi, đám trẻ ở lại làng đi học và lớn lên. Thoáng cái, đã hơn bảy năm trời! Giặc Mỹ đã phải cút về nước. Mặt trận giờ đây chuyển lên biên giới, hải đảo.

Cách đây ba năm, một buổi sáng trời rất nắng, bọn trẻ đang văng cát, đổ nước chạt lên ô nề giúp đỡ gia đình thì nhìn thấy một anh bộ đội từ trên đê biển đi xuống, vai đeo chiếc ba lô con cóc căng phồng. Những đứa trẻ chạy tới và reo lên:

— Anh Bình về! A, anh Bình đã về, chúng bay ơi!

Chúng ùa ra đón anh. Chúng hỏi vì sao anh lại đi theo đường đê biển mà không đi bằng đường cái? Vì sao anh lại có vẻ buồn chứ không vui như những anh bộ đội khác khi trở về làng? Chúng vừa hỏi chuyện anh vừa đỡ lấy ba lô của anh đeo lên vai. Anh trả lời rằng anh đi theo đê biển vì anh muốn được nhìn thấy đồng muối trước khi về nhà. Còn anh buồn vì sao? Cỏ mọc ven ruộng muối còn nhiều quá, năng suất muối như vậy sẽ bị giảm sút. Độ thẩm của các ô nề cần phải tăng lên, những ngày ở chiến trường anh đã nghĩ đến màu sắc ấy...

Những ngày sau đó, từ sáng sớm đám trẻ đã gặp anh trên đồng. Anh xem xét từng ruộng cát, anh thăm dò những kênh mương và đặc biệt chú ý đến những ô nề. Anh tính toán và thay đổi... Anh xới lên những công việc như bị bỏ quên ở quê hương, anh đi thăm các nhà xã

viên và qua câu chuyện thân tình cởi mở anh hiểu được những khó khăn mắc míu của làng xóm. Anh tổ chức họp bàn, tìm cách giải quyết. Ruộng cát được tôn cao, ô nề hư hỏng được sửa chữa, mương máng được khơi sâu. Tro bếp là một chất liệu để tô thẩm cho ô nề thêm hấp nhiệt. Những cái guồng gió cũ kỹ được cải tiến và làm thêm. Anh không khỏe; các vết thương trong người tuy đã lành nhưng những hôm biển động trở trời, cánh tay anh vẫn còn bị nhức. Không biết từ đâu bay đến tai bọn trẻ con: « Chủ nhiệm Bình là một kho chuyện! » Thế là cứ gặp anh ở đâu, bọn trẻ lại bám lấy, lèo nhèo: « Anh Bình ơi, kể chuyện cho em nghe đi! » Hôm nay anh đến đây họp, có thể là anh cũng kể chuyện cho chúng tôi nghe! Tất cả hồi hộp, chờ đợi.

— Các em thân mến, hôm nay cô giáo Hiền bảo anh đến dự họp với các em. Chúng ta đang ở giữa vụ sản xuất muối chính. Bộ đội và nhân dân ta rất cần muối, hạt muối cũng quý như hạt gạo. Biên giới rất cần muối. Bây giờ các em đang nghỉ hè, công việc của các em là vừa ôn tập vừa giúp đỡ hợp tác xã làm muối. Chốc nữa cô giáo Hiền sẽ xem xét việc học ôn hè của các em đến đâu, còn anh, hôm nay anh đến đây để nói chuyện với các em về muối. Mọi nơi đang cần muối. Biển là một kho muối vô tận, biển ở ngay bên cạnh chúng ta...

— Anh kể chuyện đi! — tiếng nói nhỏ nhẹ vừa cất lên xong, Hồng rụt đầu lại, giấu mặt vào sau lưng bạn.

— Bây giờ các em muốn nghe chuyện gì nào? — anh Bình tươi cười nhìn đám trẻ.

— Anh kể cho các em nghe chuyện muối ở chiến trường đánh Mỹ đi! — cô giáo Hiền nói rồi quay lại mỉm cười với chúng tôi.

Anh Bình đưa mắt nhìn ra ngoài sân mưa. Những bong bóng to tròn cứ nổi lên rồi lại vỡ tan ra. Anh

nói về những khu rừng lớn anh đi hàng mấy ngày liền không ra khỏi để mang muối cho đơn vị. Có những anh chị thanh niên đi gùi muối, gùi gạo về cho đơn vị, bị hi sinh ở dọc đường. Có cán bộ lên công tác vùng cao lội suối băng rừng tìm đồng bào vận động sản xuất, lúc gặp được dân thì mệt quá, ngất đi. Bà mẹ miền núi vào lấy gói muối nhỏ cất trên giàn bếp xuống, nhặt mấy hạt cho vào miệng anh. Hơi muối mặn như liều thuốc hồi sinh làm anh dần dần tỉnh lại.

— Còn ở đây, trong thời gian đó đồng muối là trọng điểm oanh tạc của máy bay Mỹ. Vùng biển là nơi giặc đánh phá ác liệt nhất — nơi chúng giội bom đầu tiên khi bay vào đất liền và cũng là nơi chúng trút cho hết những quả bom còn lại để bay ra biển. Hàng nghìn quả bom các cỡ lớn nhỏ đã ném xuống vùng muối, pháo từ tàu chiến bắn vào muối, phá vỡ các ô nề, thống chạt. Gần một trăm người dân vùng muối bị bom đạn Mỹ giết hại trong khi sản xuất. Giờ đây, vùng biển, vùng muối lại có thể là tuyến đầu chống quân Trung Quốc xâm lược — cô giáo Hiền sôi nổi tiếp lời anh Bình.

Tất cả im phăng phắc, chăm chú nghe. Trước mặt tôi hiện ra hình ảnh những cánh đồng trắng trống trơn không một bóng cây. Nhiều hôm trời xanh, nắng vàng — những hôm lẽ ra làm được nhiều muối thì lại là những hôm máy bay giặc Mỹ oanh tạc dữ dội nhất. Máy bay địch ào ạt từ biển vào, mọi người không kịp xuống hầm mà chỉ nằm rạp xuống, nấp sau những đống muối...

Giọng anh Bình vang lên:

— Ngày nay so với trước kia, sản xuất muối tuy có nhiều tiến bộ nhưng ta vẫn còn phụ thuộc vào thiên nhiên. Tuy đã có tổ chuyên và áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật nhưng như thế vẫn chưa đủ. Anh mơ ước bao giờ đồng muối của ta trở thành một

nhà máy lớn, nước biển vào đầu này thì muối ra đầu kia. Phải làm sao để ta không phải mong nắng mong mưa nữa, nghĩa là ta phải có những cái lò lớn. Hoặc giả ta thu lấy sức nóng của mặt trời vào trong những cái lò...

Anh nhìn xoáy vào chúng tôi, nét mặt và ánh mắt anh như muốn nói: « Tất cả những điều ấy trông chờ ở các em ». Rồi anh cười. Tất cả chúng tôi cùng cười vang.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ. Những ngọn thông non ướt đẫm run rẩy trong mưa và những mái rạ xám đen như cũng rung lên. « Ông Sung bây giờ không biết đang ở đâu nhỉ? Những đám mây đang trôi nặng nề kia sẽ tan ra hay là sẽ bay vần vơ mãi trên bầu trời như thế? Mưa đến bao giờ thì tạnh và ngày mai có nắng không? » Những ý nghĩ ấy làm tôi cứ nhấp nhổm không yên. Tôi chỉ mong sao cho buổi họp mau kết thúc.

— Các bạn giải lao mười phút nhé! Nghỉ xong ta lại họp tiếp — Trung nói.

Tôi vội vã đứng lên, cầm mảnh ni-lông lần ra phía sau khi tiếng quả bóng nhựa bắt đầu gieo trên bàn lóc cóc.

*
* *

Tôi chạy ra đồng, lao đi trong làn mưa dông tháng bảy. Mảnh ni-lông và cái mũ nan che mưa cho tôi. Quần xắn cao đến gối, tôi giống như người đi bắt cá rô rạch. Hai ống chân tôi nhuốm bùn. Đất rất trơn nhưng tôi không ngã. Nước chảy tràn trên những đồng muối và bầu trời xám đen, loang lổ những vệt trắng. Tôi chạy thốc lên bờ đê. Trong mưa mù mịt, tôi không nhận ra bờ biển nữa. Tất cả là một vùng sương mù dày đặc ồn ào sóng; thỉnh thoảng một viền bọt trắng xóa lại trào lên nền cát thẫm.

Xa xa có bóng người. Vuông ni-lông trùm kín, tôi không nhìn rõ ai nhưng vẫn nhận ra những bước chân khập khiễng đi nhanh.

— Ông Sung ơi, ông Sung! — tôi kêu to và chạy theo ông Sung. Khi tôi đuổi kịp, ông đã đến dưới chân trạm quan sát của chúng tôi. Tôi và ông cùng trèo lên. Ông gỡ tấm vải nhựa treo lên cái đinh rồi dang tay ôm lấy tôi.

— Cháu đấy à? Đi đâu mà ướt thế này? — tiếng ông nghe xúc động và thân thiết quá.

— Cháu đi tìm ông. Ông ơi, mai nắng hay là mưa, hả ông? — tôi hỏi và thở mạnh.

Ông Sung nhìn vào mắt tôi rồi cười. Tôi lặng im nghe mưa rơi trên mái chòi và nhìn về bốn phía. Ông Sung đứng lặng, đầu hơi nghiêng về phía bên phải, vẻ lắng nghe. Mưa đã ngớt, bầu trời đã hơi rạng sáng ra một chút, đã nghe tiếng biển vọng về.

— Biển kêu nam, mây ti tích... — ông Sung lẩm bẩm rồi ngẩng lên nhìn trời. Những đám mây sau khi đã trút xong những hạt nước nặng nề không còn dính vào nhau mà tước ra như tơ sợi, mỏng mảnh bay nhanh trên bầu trời mây nhạt.

— Ngày mai sẽ nắng, cháu ạ! — ông Sung nói.

— Ông đã treo cờ hiệu chưa?

— Ông về lấy cờ ra treo đây.

— Ông để cháu treo cho, cháu chạy nhanh lắm!

— Ừ, nếu cháu đi hộ ông được thì tốt quá! Chiều muộn rồi!

Tôi theo ông Sung về nhà. Ông lấy lá cờ gói lại đưa cho tôi, rồi bỗng nhiên ông nắm chặt lấy tay tôi, bóp mạnh.

Tôi chạy vội đi.

Ngoài đồng lúc này đã có nhiều người, người đi khơi mương, xẻ rãnh thoát nước, người xem xét ô nề, sân

cát và những dụng cụ để ngoài trời. Trong mưa, tôi nhìn thấy ai giống như bác trai tôi: miếng vải nhựa màu sẫm có một miếng vá to màu hồng nổi bật lên. Bác tôi đi mở cống tháo nước cũ ra, lấy nước biển mới vào đồng. Đó là việc thường xuyên chẳng có gì lạ, nhưng cái lạ là đứa nào đang chạy theo đằng sau bác tôi kia? Nó quấn mảnh ni lông màu vàng bò, tay cầm cái cuốc, nó cũng khơi rãnh thoát nước, nhìn dáng quen quen nhưng tôi chịu không nhận được ra là đứa nào.

Buổi tối, khi mọi việc đã xong xuôi, về nhà tôi hỏi, bác tôi bảo:

— Dễ cháu tưởng chiều nay chỉ có mình cháu ra đồng làm đấy chắc? — bác tôi cười nhìn tôi.

— Nhưng đứa chạy theo đằng sau bác là ai thế?

— Nó là con ông Định, tên gì tao không nhớ — bác tôi đáp.

Đủ ư? Tôi lạ quá! Khi tôi đi ra, nó vẫn còn ngồi họp kia mà. Vả lại nó vốn sợ nước, sao lại dám chạy ra ngoài trời mưa to như thế? Hay nó làm gì? Tôi muốn đến gặp nó, nhưng ngoài trời vẫn mưa to.

Sáng hôm sau, tôi vừa thức dậy đã nhìn thấy Đủ, tôi vội hỏi:

— Hôm qua cậu có ngồi họp đến cuối cùng không?

— Họp nhanh thôi. Họp xong trời vẫn còn mưa, cả bọn tớ đều ra đồng chứ không về nhà.

— Cậu không sợ bị ốm à?

— Không.

— Bố cậu có biết không?

— Có chứ! Tớ gặp bố tớ ở ngoài đồng. Trời đã tạnh rồi mà bố tớ cứ bắt tớ quàng ni-lông, vướng viu. À, quên, lúc đầu bố tớ bắt tớ về nhà, tớ bảo: « Các bạn con đứa nào cũng ra cứu muối, có bạn còn ra từ lúc đang mưa to. Bố muốn con thành đứa lười biếng, lạc hậu à? » Thế là bố đành chịu. Về nhà, bố tớ bắt tớ bồi dầu!

Tôi nhìn Đủ. Ít lâu nay nó đã có nhiều thay đổi, nước da hồng hào, rắn rỏi; sau những lần ra tắm biển và lao động tập thể, nó bạo dạn hẳn lên. Và, tất nhiên tôi thấy nó cũng dễ chịu chứ không đáng ghét như trước. Tôi cảm thấy quý nó hơn.

— Sao cậu bỏ đi không bảo cho chúng tớ biết? – Đủ bỗng hỏi tôi. — Chúng nó cứ tưởng cậu về nhà, sau mới biết là cậu đi treo cờ hộ ông Sung.

— Tớ sợ nói ra các cậu không cho đi! — tôi vừa cười vừa nói.

Trời sau ngày mưa trong suốt và nắng vàng tươi, cứ như là có viền những đường kim tuyến óng ánh. Tôi nắm tay Đủ chạy ra đường. Chúng tôi chạy về phía chòi khí tượng. Lúc này mà được đứng từ trên cao nhìn ra bốn phía cánh đồng, làng xóm thì thích biết mấy! Và, cũng chưa lúc nào tôi lại thấy quý Đủ bằng lúc này!

Đủ như cũng hiểu điều đó nên thỉnh thoảng nó lại nhìn tôi và mủm mỉm cười như con gái.

9

Chúng tôi đi bộ ra bến xe, dọc theo đường đê. Tôi thích nhìn cánh đồng bờ biển trước lúc chia tay với các bạn.

Dưới ánh nắng buổi sáng, những cánh đồng mở rộng, tiếng xe cút kít kêu vang, những ô nề vuông vắn đều đặn nằm kề nhau như mảnh vải lớn kẻ ô thẳng tắp. Thủy triều đang lên. Hôm nay nước ròng, máy bơm xối xả đưa nước biển vào trong mương. Mương lớn chia nước về mương nhỏ. Nước tản ra, thấm vào các ruộng cát đã phủ kín.

Dọc theo con kênh lớn phía đầu làng là những kho muối hình tháp cao vút. Ô tô vận tải nối đuôi nhau chờ «ăn muối». Muối trắng ngần như mây bông mùa hạ.

— Bao giờ cậu lại về làng với bọn tớ?— Vinh hỏi.

— Có thể là mùa hè sang năm... — tôi đáp và bỗng thấy buồn. Chân tôi chưa rời đất làng, cánh đồng bờ biển, mà lòng tôi sao đã nhớ đến thế!

— Sang năm cậu về làng, chắc mọi thứ đã khác đi nhiều — Trung nhìn cái guồng gió bên con mương lớn vừa thay bộ cánh sắt mới tinh, sáng bóng. Cái guồng quạt gió ù ù, cuốn nước ở dưới thấp lên cao chia đều cho ruộng cát.

— Một năm nữa thì sản xuất làng ta nhất định sẽ tiến bộ hơn nhiều. Mỗi năm không phải là bảy, tám vạn tấn nữa mà là mười, mười lăm vạn tấn muối! — Vinh vừa nói vừa tung hòn sỏi trên tay.

Tôi bỗng nhớ ông Sung. Mưa nắng mỗi ngày qua như làm ông già thêm, lưng còng thêm xuống. Nhưng ông vẫn ngày đêm cần cù nghe gió, trông mây, theo dõi trời đất, cây cỏ bằng tất cả mọi giác quan và tấm lòng của mình để thông báo thời tiết, nắng mưa giúp mọi người sản xuất. Hôm qua, tôi đến chào từ biệt ông, ông ngây người ra một lúc rồi mới nói được:

— Thế mà ông lại cứ tưởng cháu về ở hẳn đây! Cháu đi, ông vắng một người bạn thân. Cháu là một đứa bé tốt. Cháu yêu lao động và yêu nghề làm muối, yêu quê hương, ông rất quý.

Vinh đưa cho tôi một túi lớn những con ốc biển. Nhìn những vân xoáy trên vỏ ốc, tôi như thấy lại biển, bãi cát sẫm và những con sóng xanh rờn.

Quà của hai bác và chị tôi là những thứ ăn dọc đường. Ngoài ra còn gói tôm khô đỏ au và mấy con cua bể lớn buộc trong bẹ chuối. Chị Hải về nhà hôm qua ăn bữa cơm liên hoan tiễn tôi với gia đình rồi lại đi ngay. Chị bảo tôi:

— Ngày mai, khi em đi qua chỗ đường thông gần nghĩa trang liệt sĩ, chị sẽ tiễn em.

Tôi đưa mắt nhìn qua những ngọn thông xanh, chỉ thấy những ụ pháo lớn ngụy trang dưới những chùm lá, nòng pháo chếch về phía biển. Một vài vành mũ màu cỏ úa thấp thoáng trong lá.

Kìa! Một vuông khăn hoa nhỏ giơ lên vẫy vẫy...

— Chị Hải ơi! Em đi nhé! Chị ở lại mạnh khỏe nhé!— tôi kêu to rồi chạy lên, giơ tay vẫy. Mấy đứa bạn tôi cũng giơ tay lên vẫy chị Hải.

Tôi bước đi nhưng mắt vẫn quay lại phía sau.

Xóm Muối xa dần. Cái chòi khí tượng cỏn con của chúng tôi hiện ra như một bông sen trắng mà mưa nắng đã làm cho cánh hoa thẫm lại, còn cái cành thì trắng xóa — đó là màu vôi chúng tôi mới quét cho cái bệ hôm trước...

Nhưng rồi, tất cả đều chìm đi trong nắng.

Trên đồng muối mênh mông, những ô nước đầy phơi ra dưới nắng. Lá cờ hiệu màu đỏ tươi phần phật bay, báo hiệu hôm nay sẽ nắng suốt ngày.

Phía bên kia, dưới chân đê, biển vẫn tung lên bờ cát những đợt sóng lớn. Trên màu xanh thẫm trải xa tít tắp là những cánh hải âu rập rờn như những cánh buồm.

Mùa hè 1973 — 1979

TÓM TẮT NỘI DUNG

Mùa hè năm ấy, Tuấn về quê, một làng ven biển có nghề làm muối. Tuấn làm quen với các bạn địa phương và tham gia một số công việc giúp hợp tác xã.

Cuốn truyện đem lại cho các em hình ảnh lao động sôi nổi, khẩn trương của những người làm ra muối, vẻ đẹp của biển và những thú vui của tuổi thơ vùng biển.

Giá: 1đ,00